**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

ISO 9001:2008

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**


**Sinh viên : Nguyễn Thị Hồng Ánh**
**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**


**HẢI PHÒNG - 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

# HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**
**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Hồng Ánh**
**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**
**----------**

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hồng Ánh Mã SV:1312401075

Lớp: QT1702K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai

# MỤC LỤC

**LỜI MỞ ĐẦU** ..... 1
**CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.** ..... 3
1.1. Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. ..... 3
1.1.1. Doanh thu ..... 3
1.1.2. Chi phí. ..... 5
1.1.3. Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. ..... 6
1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ..... 7
1.3. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ..... 7
1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ..... 7
1.3.1.1. Các phương thức bán hàng chủ yếu tại các doanh nghiệp. ..... 7
1.3.1.2. Chứng từ sử dụng. ..... 8
1.3.1.3. Tài khoản sử dụng. ..... 8
1.3.1.4. Phương pháp hạch toán ..... 9
1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu ..... 10
1.3.2.1. Chứng từ sử dụng. ..... 10
1.3.2.2. Tài khoản sử dụng. ..... 10
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán. ..... 10
1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán. ..... 11
1.3.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho: ..... 11
1.3.3.2. Chứng từ sử dụng. ..... 12
1.3.3.3. Tài khoản sử dụng ..... 12
1.3.3.4. Phương pháp hạch toán. ..... 13
1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. ..... 16
1.3.4.1. Chứng từ sử dụng. ..... 16
1.3.4.2. Tài khoản sử dụng. ..... 16
1.3.4.3. Phương pháp hạch toán. ..... 17
1.3.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính. ..... 19
1.3.5.1 Chứng từ sử dụng ..... 19
1.3.5.2 Tài khoản sử dụng. ..... 19
1.3.5.3 Phương pháp hạch toán ..... 19

1.3.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác. ..... 21
1.3.6.1. Chứng từ sử dụng. ..... 21
1.3.6.2. Tài khoản sử dụng. ..... 21
1.3.6.3. Phương pháp hạch toán. ..... 21
1.3.7. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn DN. .. 23
1.3.7.1. Chứng từ sử dụng. ..... 23
1.3.7.2. Tài khoản sử dụng. ..... 23
1.3.7.3. Phương pháp hạch toán. ..... 24
1.4. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán. ..... 25
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung ..... 26
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái. ..... 27
1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. ..... 28
1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ. ..... 29
1.4.5. Hình thức Kế toán máy. ..... 30
**CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI**. ..... 31
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai. ..... 31
*2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.* ..... 31
*2.1.2. Đặc điểm hàng hóa và tổ chức kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.* ..... 32
*2.1.3. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.* ..... 32
*2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.* ..... 33
*2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.* ..... 34
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai. ..... 36
2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Minh Khai. ..... 36
*2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.* ..... 36

*2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.* ..... 49
*2.2.1.3: Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.* ..... 57
2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Minh Khai..... 69
2.2.3. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai. ..... 76
2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai. ..... 76
**CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI** ..... 89
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty CPTM Minh Khai..... 89
3.1.1. Ưu điểm. ..... 89
3.1.2. Hạn chế..... 90
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh..... 91
3.3. Quan điểm, nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ..... 92
3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ..... 92
*3.4.1. Kiến nghị 1: Hạch toán doanh thu - chi phí.* ..... 93
*3.4.2. Kiến nghị 2: Trích các khoản theo lương cho người lao động căn cứ trích dựa theo lương đã ký trên hợp đồng.* ..... 100
*3.4.3. Kiến nghị 3: Thay đổi hình thức kế toán.* ..... 100
*3.4.4. Kiến nghị 4: Áp dụng phần mềm kế toán.* ..... 104
**KẾT LUẬN** ..... 109
**TÀI LIỆU THAM KHẢO** ..... 111

# DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1:  Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..... 9
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu..... 11
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên. ..... 14
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ ..... 15
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp . 18
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí và doanh thu hoạt động tài chính..... 20
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập và chi phí khác. ..... 22
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh ..... 24
Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung ..... 26
Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái ..... 27
Sơ đồ 1.11: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả ..... 28
kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ ..... 28
Sơ đồ 1.12: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ ..... 29
Sơ đồ 1.13: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Kế toán máy ..... 30
Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức trong công ty..... 33
Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty..... 34
Sơ đồ 2.3: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ  tại công ty Cổ phần thương mại Minh Khai..... 36
Sơ đồ 3.1: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung ..... 101

# DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai ..... 32
Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT HĐ 0011597. ..... 38
Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT HĐ 0011599. ..... 40
Biểu 2.3: Giấy báo có của ngân hàng Công thương Hải Phòng. ..... 41
Biểu 2.4: Thẻ quầy hàng ..... 43
Biểu 2.5: Báo cáo bán hàng hàng ngày ..... 44
Biểu 2.6: Hóa đơn GTGT HĐ 0011600. ..... 45
Biểu 2.7: Phiếu thu số 18/10 ..... 46
Biểu 2.8: Nhật ký chứng từ mở cho TK 511 ..... 47
Biểu 2.9: Sổ cái 511 ..... 48
Biểu 2.10: Trích sổ chi tiết sản phẩm, hàng hóa. ..... 50
Biểu 2.11: Phiếu xuất kho số 02/12 ..... 51
Biểu 2.12: Phiếu xuất kho số 09/12 ..... 52
Biểu 2.13: Phiếu xuất kho số 14/12 ..... 54
Biểu 2.14: Nhật ký chứng từ mở cho TK 632 ..... 55
Biểu 2.15: Sổ cái 632 ..... 56
Biểu 2.16: Hóa đơn GTGT HĐ0008520. ..... 58
Biểu 2.17: Phiếu chi số 23/10. ..... 59
Biểu 2.18: Hóa đơn GTGT HĐ 0002605. ..... 61
Biểu 2.19: Phiếu chi số 24/10. ..... 62
Biểu 2.20: Bảng phân bổ khấu hao. ..... 63
Biểu 2.21: Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội ..... 64
Biểu 2.22: Nhật ký chứng từ mở cho TK 641 ..... 65
Biểu 2.23: Sổ cái TK 641. ..... 66
Biểu 2.24: Nhật ký chứng từ mở cho TK 642 ..... 67
Biểu 2.25: Sổ cái TK 642. ..... 68
Biểu 2.26: Giấy báo nợ của ngân hàng Công thương Hải Phòng. ..... 70
Biểu 2.27: Nhật ký chứng từ mở cho TK 635 ..... 71
Biểu 2.28: Sổ cái TK 635. ..... 72
Biểu 2.29: Giấy báo có của ngân hàng Công thương Hải Phòng. ..... 73
Biểu 2.30: Nhật ký chứng từ mở cho TK 515 ..... 74
Biểu 2.31: Sổ cái TK 515. ..... 75
Biểu 2.32: Phiếu kế toán số 35 ..... 77

Biểu 2.33: Phiếu kế toán số 36 ..... 78
Biểu 2.34: Phiếu kế toán số 37 ..... 79
Biểu 2.35: Phiếu kế toán số 38 ..... 80
Biểu 2.36: Phiếu kế toán số 39 ..... 81
Biểu 2.37: Nhật ký chứng từ mở cho TK 911 ..... 82
Biểu 2.38: Nhật ký chứng từ mở cho TK 821 ..... 83
Biểu 2.39: Nhật ký chứng từ mở cho TK 421 ..... 84
Biểu 2.40: Sổ cái TK 911. ..... 85
Biểu 2.41: Sổ cái TK 821. ..... 86
Biểu 2.42: Sổ cái TK 421. ..... 87
Biểu 2.43: Bảng báo cáo kết quả kinh doanh. ..... 88
Biểu 3.1: Mẫu sổ chi tiết bán hàng. ..... 94
Biểu 3.2: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh. ..... 95
Biểu 3.3: Sổ chi tiết bán hàng. ..... 97
Biểu 3.4: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh. ..... 98
Biểu 3.5: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh. ..... 99
Biểu 3.6: Mẫu sổ Nhật ký chung. ..... 102
Biểu 3.7: Mẫu Sổ cái theo hình thức nhật ký chung. ..... 103

# DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| STT | Cụm Từ đầy đủ | Chữ viết tắt |
|---|---|---|
| 1 | Thương mại cổ phần | TMCP |
| 2 | Trách nhiệm hữu hạn | TNHH |
| 3 | Đơn vị tính | ĐVT |
| 4 | Tài sản cố định | TSCĐ |
| 5 | Giá trị gia tăng | GTGT |
| 6 | Tiêu thụ đặc biệt | TTĐB |
| 7 | Tài khoản | TK |
| 8 | Bán hàng | BH |
| 9 | Cung cấp dịch vụ | CCDV |
| 10 | Phương pháp | PP |
| 11 | Giá vốn hàng bán | GVHB |
| 12 | Tài khoản đối ứng | TKĐƯ |
| 13 | Bảo hiểm xã hội | BHXH |
| 14 | Bảo hiểm y tế | BHYT |
| 15 | Bảo hiểm thất nghiệp | BHTN |
| 16 | Kinh phí công đoàn | KPCĐ |
| 17 | Ngày tháng ghi sổ | NTGS |
| 18 | Giấy báo có | GBC |
| 19 | Số thứ tự | STT |
| 20 | Số hiệu | SH |
| 21 | Ngày tháng | NT |
| 22 | Bảng phân bổ lương | BPBL |
| 23 | Bảng khấu hao | BKH |
| 24 | Dịch vụ | DV |
| 25 | Thương mại | TM |

# LỜI MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài.

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là một xu thế lớn của thời đại. Hội nhập kinh tế quốc tế bên cạnh việc tạo ra cơ hội tiến vào sân chơi lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam cũng đã hình thành những rào cản đối với các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ do chưa có đủ tiềm lực và khả năng ứng phó những biến đổi nhanh chóng của thị trường.

Thành lập từ thời kỳ bao cấp, Công ty Cổ phần Thương mại Minh Khai trải qua 33 năm hình thành và phát triển đã dần tạo được chỗ đứng cho riêng mình trên thị trường bán lẻ dù phải trải qua nhiều sóng gió khi thị trường Việt Nam chuyển mình từ chế độ bao cấp sang cơ chế tự do. Công ty liên tục được bình chọn là 1 trong 10 doanh nghiệp tiêu biểu thành phố Hải Phòng trong giai đoạn 2007 – 2010. Đóng góp vào sự thành công đó là nỗ lực không ngừng hoàn thiện thương hiệu, chất lượng sản phẩm, đổi mới tư duy quản lý và chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu tìm hiểu, phân tích doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có thể coi là một công cụ hiệu quả nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh của công ty.

Quản lý chi phí và doanh thu hiệu quả mới xây dựng được nền tảng giúp ban quản lý đưa ra các giải pháp hợp lý, có tính khả thi cao nhằm tối ưu hóa chi phí, tối đa hóa lợi nhuận. Bởi việc xác định chính xác và kịp thời chi phí, doanh thu giúp phản ánh biến động từng loại hàng hóa và có cái nhìn đúng đắn về xu hướng thị trường. Ngoài ra quá trình ghi chép doanh thu chi phí giúp theo dõi, đôn đốc các khoản nợ phải thu và nợ phải trả của doanh nghiệp một cách có hệ thống. Đồng thời, việc xác định kết quả kinh doanh chính xác nhất sẽ giúp Ban giám đốc nắm rõ được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó phân tích đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, đầu tư có hiệu quả cao nhất trong thời gian tới.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nên em đã chọn đề tài: **"Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai"** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

**2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.**

- Hệ thống hóa lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Mô tả, phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

- Đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài.**

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Phạm vi nghiên cứu: Tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

**4. Phương pháp nghiên cứu.**

- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp phân tích, tổng hợp.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.
- Các phương pháp kế toán.

**5. Kết cấu của khóa luận.**

Kết cấu của khóa luận gồm 3 chương:

**Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác đinh kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.**

**Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.**

Với sự hướng dẫn tận tình của giáo viên Nguyễn Đức Kiên và các cô bác phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai đã giúp em hoàn thành đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình, song khả năng còn hạn chế đồng thời kinh nghiệm thực tế còn ít ỏi nên đề tài của em không tránh được những sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự phê bình, đóng góp ý kiến của các thầy, cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

# CHƯƠNG 1
# LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

## 1.1. Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Bán hàng:* là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hóa của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp.
- *Sản phẩm sản xuất:* là sản phẩm tự làm ra để sử dụng, trao đổi trong thương mại.
- *Sản phẩm tiêu thụ:* là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hóa, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất, phân phối và một bên là tiêu dùng.

### 1.1.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

***Các loại doanh thu:***

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được liên quan đến bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp các lao vụ, dịch vụ.

📖 Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Xác định được các chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu đã được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

📖 Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu.**

✓ *Chiết khấu thương mại:* là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận (đã ghi chép trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng).

✓ *Giảm giá hàng bán:* là số tiền người bán giảm trừ cho người mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách, kích cỡ.

✓ *Hàng bán bị trả lại:* là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản hợp đồng.

✓ *Thuế giá trị gia tăng phải nộp (theo phương pháp trực tiếp):* thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

✓ *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

✓ *Thuế xuất khẩu:* là loại thuế gián thu, đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ **Doanh thu thuần.**

Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính.**

Doanh thu hoạt động tài chính là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

📖 Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ **Thu nhập khác.**

Theo chuẩn mực kế toán số 14, Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

### 1.1.2. Chi phí.

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán với hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến là giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

***Các loại chi phí:***

❖ **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của các sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ hoặc trị giá mua thực tế của hàng hóa tiêu thụ.

❖ **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm: chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí quảng cáo, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển….

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phục vụ cho quản lý chung của doanh nghiệp, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, dịch vụ mua ngoài…..

❖ **Chi phí hoạt động tài chính:** là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái……

❖ **Chi phí khác:** là những khoản chi phí phát sinh không thường xuyên do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

✓ *Chi phí thuế TNDN hiện hành:* là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

✓ *Chi phí thuế TNDN hoãn lại:* là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

### 1.1.3. Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ **Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp** bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

✓ *Hoạt động sản xuất kinh doanh:* là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm.

✓ *Hoạt động tài chính:* là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.

✓ *Hoạt động khác:* là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

❖ **Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**: là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

➢ *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh | = | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | – | Các khoản giảm trừ doanh thu | – | Giá vốn hàng bán | – | Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp |

➢ *Kết quả hoạt động tài chính:* là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Lợi nhuận tài chính | = | Doanh thu hoạt động tài chính | – | Chi phí tài chính |

➢ *Kết quả hoạt động khác:* là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Lợi nhuận khác | = | Doanh thu khác | – | Chi phí khác |

➢ *Tổng lợi nhuận trước thuế:* là tổng số của lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhận khác.

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tổng lợi nhuận trước thuế | = | Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh | + | Lợi nhuận tài chính | + | Lợi nhuận khác |

➢ *Lợi nhuận sau thuế TNDN:* là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế TNDN.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | = | Tổng lợi nhuận trước thuế | – | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp |

**1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

➢ Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về tình hình nhập – xuất – tồn kho của hàng hóa, tính giá vốn của hàng hóa xuất bán một cách chính xác để phản ánh đúng đắn các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

➢ Phản ánh doanh thu được hưởng trong quá trình kinh doanh, tình hình thanh toán với khách hàng, thanh toán với ngân sách nhà nước về các khoản thuế phải nộp và các chi phí có liên quan đến doanh thu.

➢ Phản ánh và kiểm tra các chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp để đảm bảo tính hiệu quả kinh tế của chi phí. Đồng thời tham gia công tác kiểm kê hàng hóa, lập các báo cáo về tình hình tiêu thụ các loại sản phẩm .

➢ Cung cấp thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

**1.3. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

**1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

**1.3.1.1. Các phương thức bán hàng chủ yếu tại các doanh nghiệp.**

✓ *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp:* là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, các phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh

nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số lượng hàng này.

✓ *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý:* là phương thức mà bên chủ hàng (bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch.

✓ *Tiêu thụ theo phương thức gửi hàng đi bán:* Bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của DN. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hoặc toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ.

✓ *Tiêu thụ theo phương thức hàng đổi hàng:* Bên bán đem vật tư sản phẩm, hàng hóa của mình để đổi lấy vật tư, hàng hóa, sản phẩm của bên mua. Nếu trao đổi hàng hóa tương tự (không có chênh lệch giá trị trao đổi) thì không được coi là giao dịch tạo doanh thu. Nếu trao đổi hàng hóa không tương tự (có chênh lệch giá trị trao đổi) thì được coi là giao dịch tạo doanh thu, được ghi nhận lãi, lỗ.

✓ *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp:* Theo tiêu thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

✓ *Phương thức tiêu thụ nội bộ:* là việc mua – bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ giữa đơn vị chính và đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn, liên hiệp xí nghiệp…. Các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất, biếu tặng, trả lương, trả thưởng, xuất dùng cho hoạt động kinh doanh cũng được coi là tiêu thụ nội bộ.

#### 1.3.1.2. Chứng từ sử dụng.

✓ Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.

✓ Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có.

✓ Các chứng từ khác có liên quan.

#### 1.3.1.3. Tài khoản sử dụng.

❖ **Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

⇨ Các tài khoản cấp 2:

- TK5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK5118: Doanh thu khác

⇨ Kết cấu:

| **Nợ** | **TK 511** | **Có** |
|---|---|---|
| - Số thuế phải nộp tính trên doanh số bán trong kỳ.<br>- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thi hàng bán bị trả lại.<br>- Kết chuyển doanh thu thuần. | | - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, lao vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán. |
| **TK 511 không có số dư cuối kỳ** | | |

### 1.3.1.4. Phương pháp hạch toán

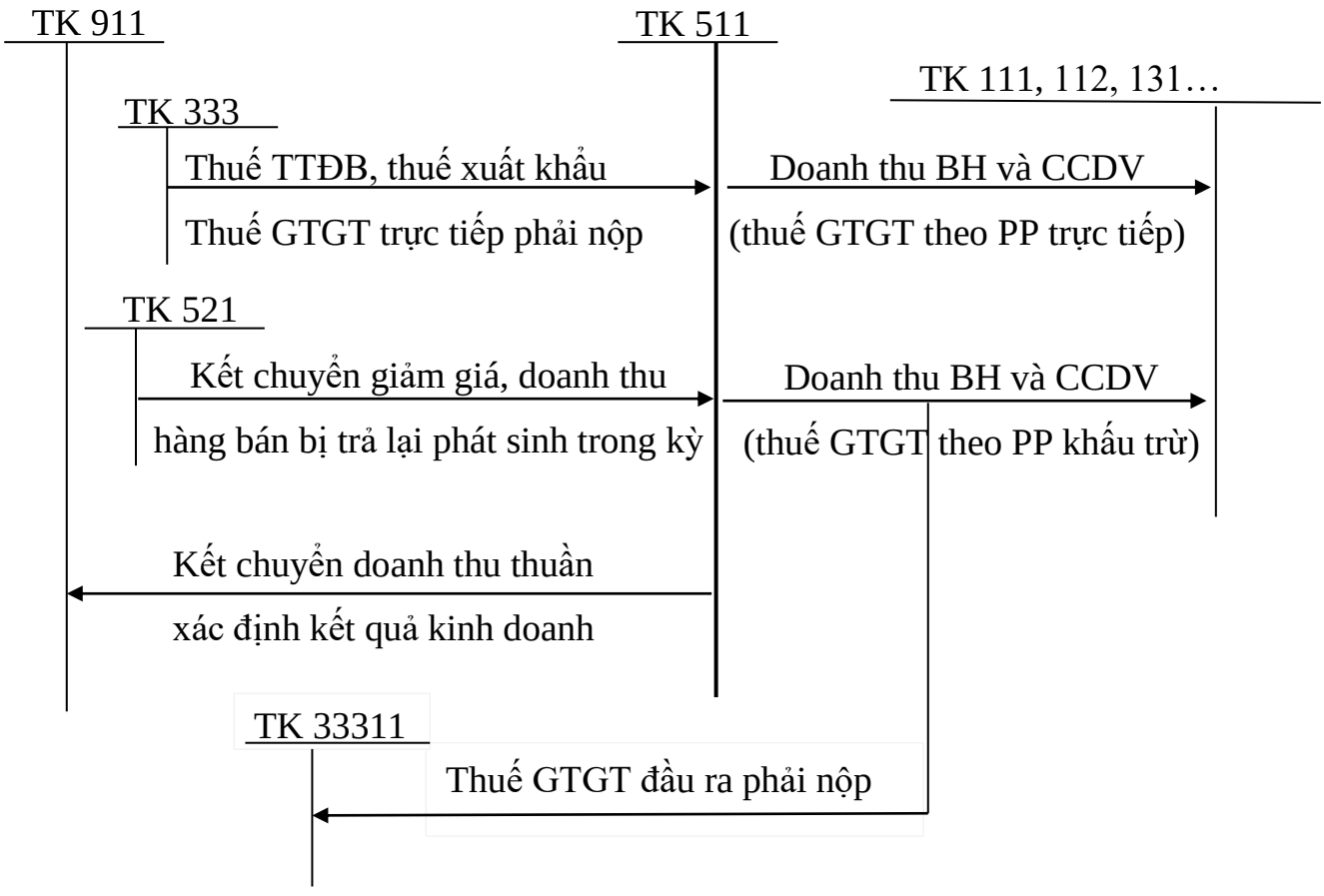


**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

### 1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

#### 1.3.2.1. Chứng từ sử dụng.

- ✓ Hóa đơn GTGT.
- ✓ Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, Giấy báo nợ.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

#### 1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.

❖ **Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu**

⇨ Các tài khoản cấp 2:

- TK5211: Chiết khấu thương mại
- TK5212: Hàng bán bị trả lại
- TK5213: Giảm giá hàng bán

⇨ Kết cấu:

| **Nợ** | **TK 521** | **Có** |
|---|---|---|
| - Chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.<br>- Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.<br>- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính vào khoản phải thu khách hàng. | | - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" |
| **TK 521 không có số dư cuối kỳ** | | |

#### 1.2.1.3. Phương pháp hạch toán.

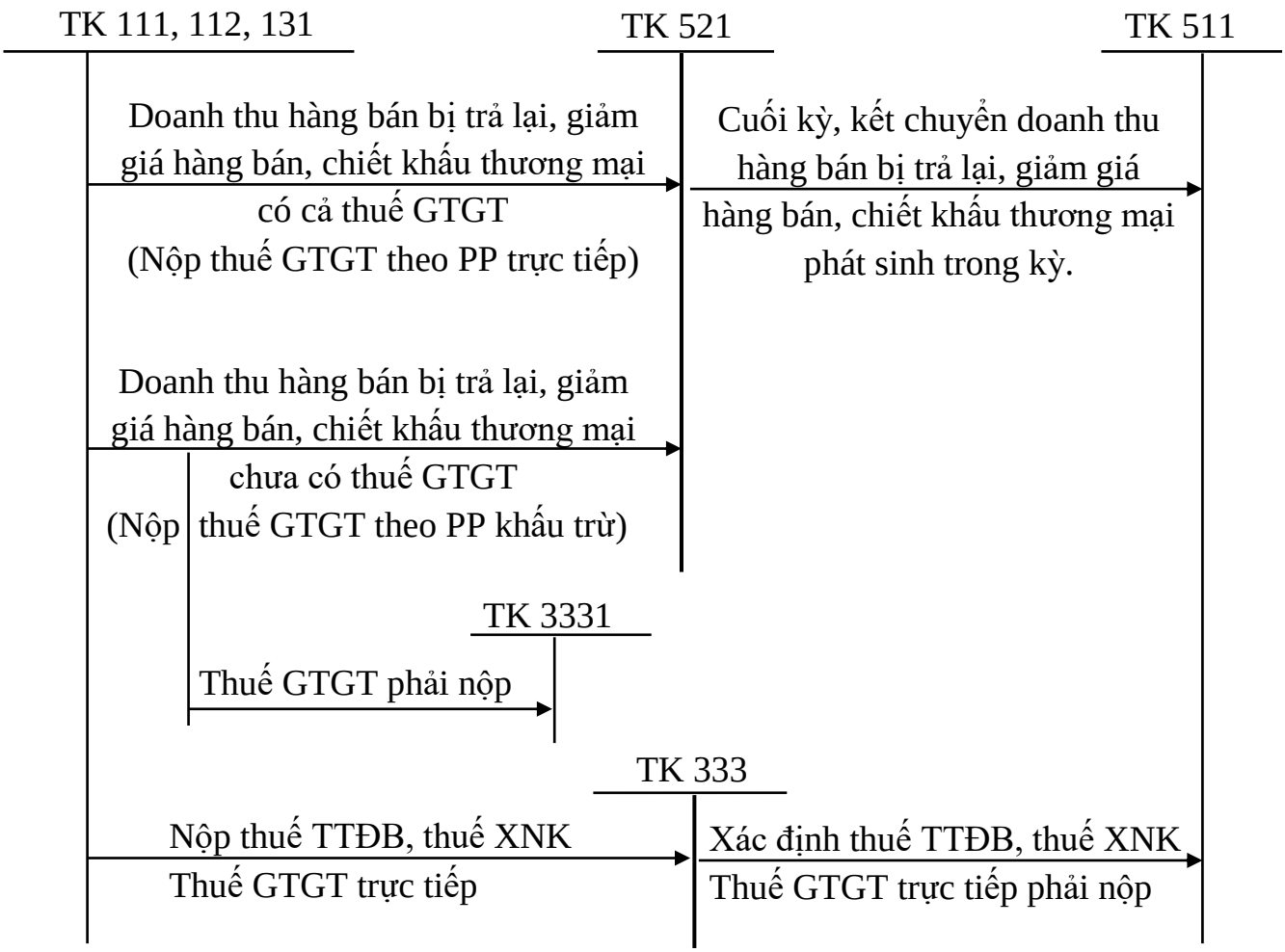


**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.**

### 1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

#### 1.3.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

✓ *Phương pháp bình quân gia quyền.*

Giá trị của từng loại hàng tồn khi được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương ứng đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

**+) Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:**

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ (mặt hàng I)} = \frac{\text{Giá thực tế tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ (của hàng I)}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ + Số lượng hàng nhập trong kỳ (của hàng I)}}$$

**+) Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):**

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập i kỳ (mặt hàng I)} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập i (của hàng I)}}{\text{Số lượng thực tế tồn kho sau lần nhập i (của hàng I)}}$$

✓ *Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO).*

Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá trị của hàng nhập kho ở thời điểm gần cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp giảm phát.

✓ *Phương pháp tính thực tế đích danh.*

Áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hoá mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

✓ *Phương pháp bán lẻ .*

Đây là phương pháp mới bổ sung theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

### 1.3.3.2. Chứng từ sử dụng.

- ✓ Phiếu xuất kho.
- ✓ Thẻ quầy hàng, Báo cáo bán hàng.
- ✓ Hóa đơn GTGT ( trường hợp mua bán thẳng).
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

### 1.3.3.3. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

⇨ Kết cấu:

| Nợ | TK 632 | Có |
|---|---|---|
| - Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.<br>- Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.<br>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | - Cuối kỳ, kết chuyển giá vốn hàng bán của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã hán trong kỳ, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư, khoản nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.<br>- Khoản nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính, trị giá hàng bán bị trả nhập lại kho. |
| **TK 632 không có số dư cuối kỳ** | | |

**1.3.3.4. Phương pháp hạch toán.**

✪ ***Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.***

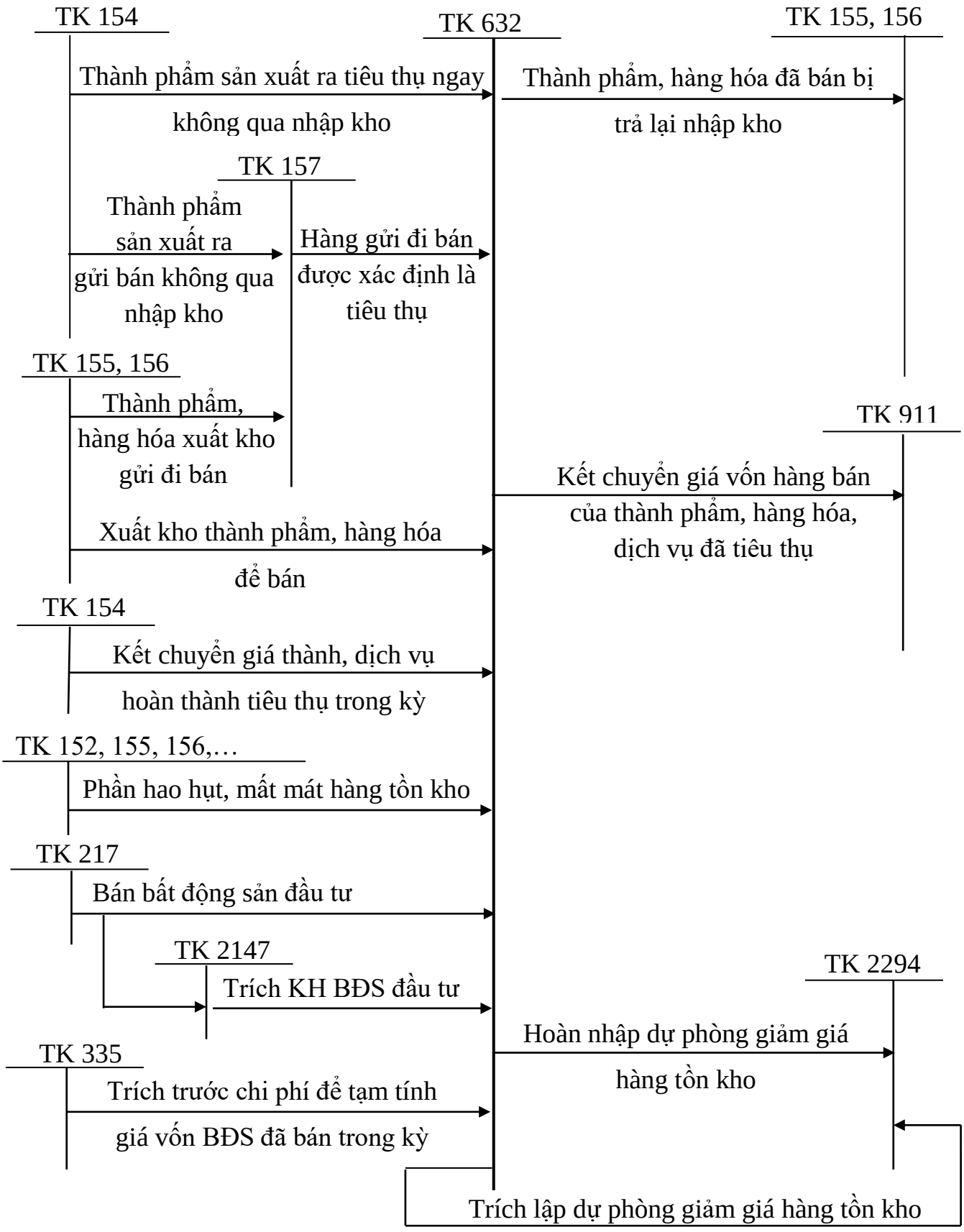


**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

✪ ***Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.***

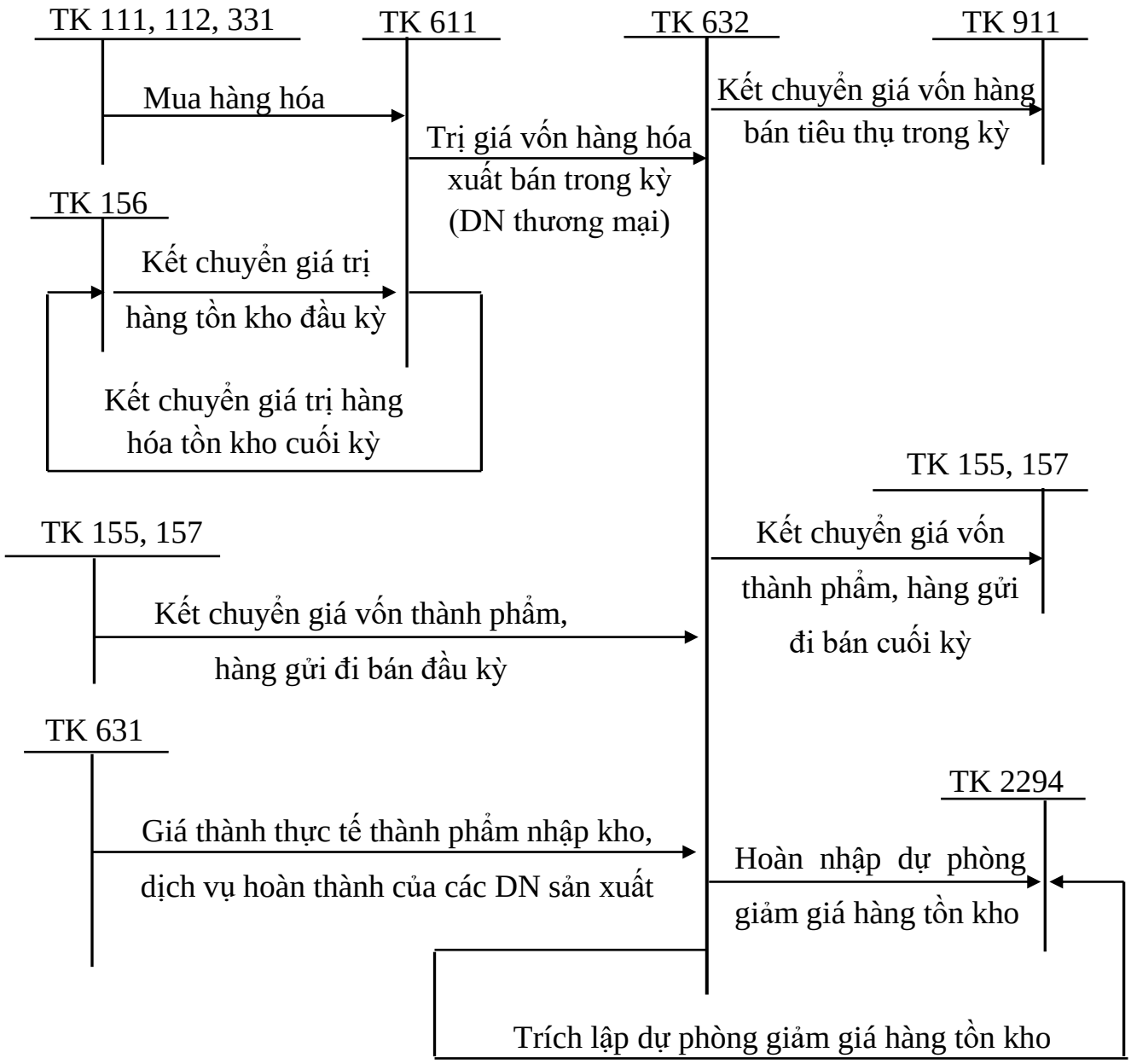


**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

### 1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 1.3.4.1. Chứng từ sử dụng.

- ✓ Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ.
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- ✓ Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

#### 1.3.4.2. Tài khoản sử dụng.

❖ **Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng**

⇨ Các tài khoản cấp 2:

- TK6411: Chi phí nhân viên.
- TK6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

⇨ Kết cấu:

| **Nợ** | **TK 641** | **Có** |
|---|---|---|
| - Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ. | | - Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ.<br>- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911. |
| **TK 641 không có số dư cuối kỳ** | | |

❖ **Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.**

⇨ Các tài khoản cấp 2:

- TK6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK6426: Chi phí dự phòng
- TK6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6428: Chi phí bằng tiền khác

⇨ Kết cấu:

| **Nợ** | **TK 642** | **Có** |
|---|---|---|
| - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.<br>- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). | | - Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.<br>- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).<br>- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 |
| **TK 642 không có số dư cuối kỳ** | | |

### 1.3.4.3. Phương pháp hạch toán.

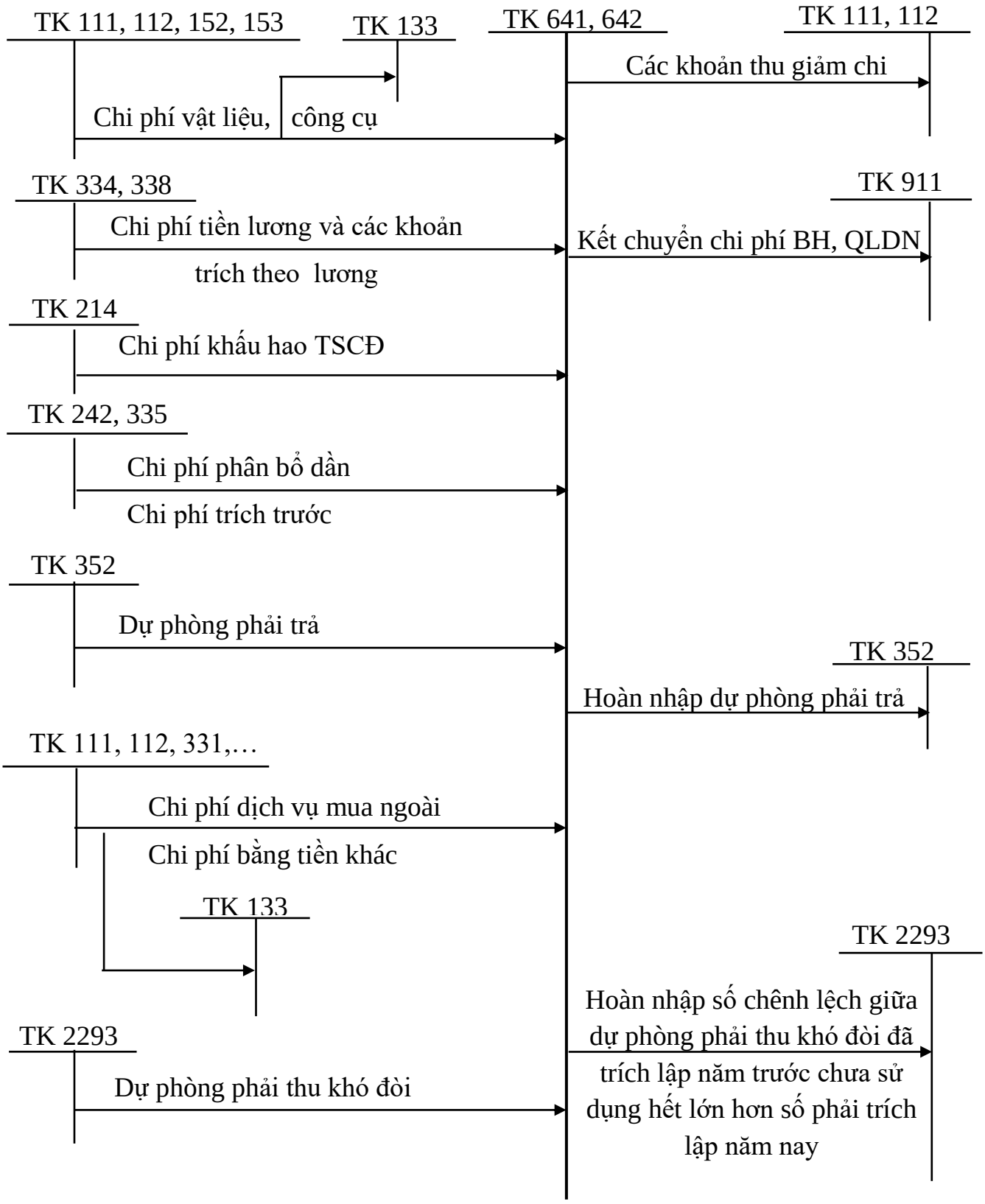


**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

### 1.3.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

#### 1.3.5.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Giấy báo nợ, giấy báo có.
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi.
- ✓ Bảng sao kê tài khoản khách hàng.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

#### 1.3.5.2 Tài khoản sử dụng.

❖ **Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.**

⇨ Kết cấu:

| **Nợ** | **TK 515** | **Có** |
|---|---|---|
| - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);<br>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911. | | - Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ. |
| **TK 515 không có số dư cuối kỳ** | | |

❖ **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

⇨ Kết cấu:

| **Nợ** | **TK 635** | **Có** |
|---|---|---|
| - Các khoản chi phí hoạt động đầu tư tài chính phát sinh trong kỳ. | | - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.<br>- Kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911 |
| **TK 635 không có số dư cuối kỳ** | | |

#### 1.3.5.3 Phương pháp hạch toán

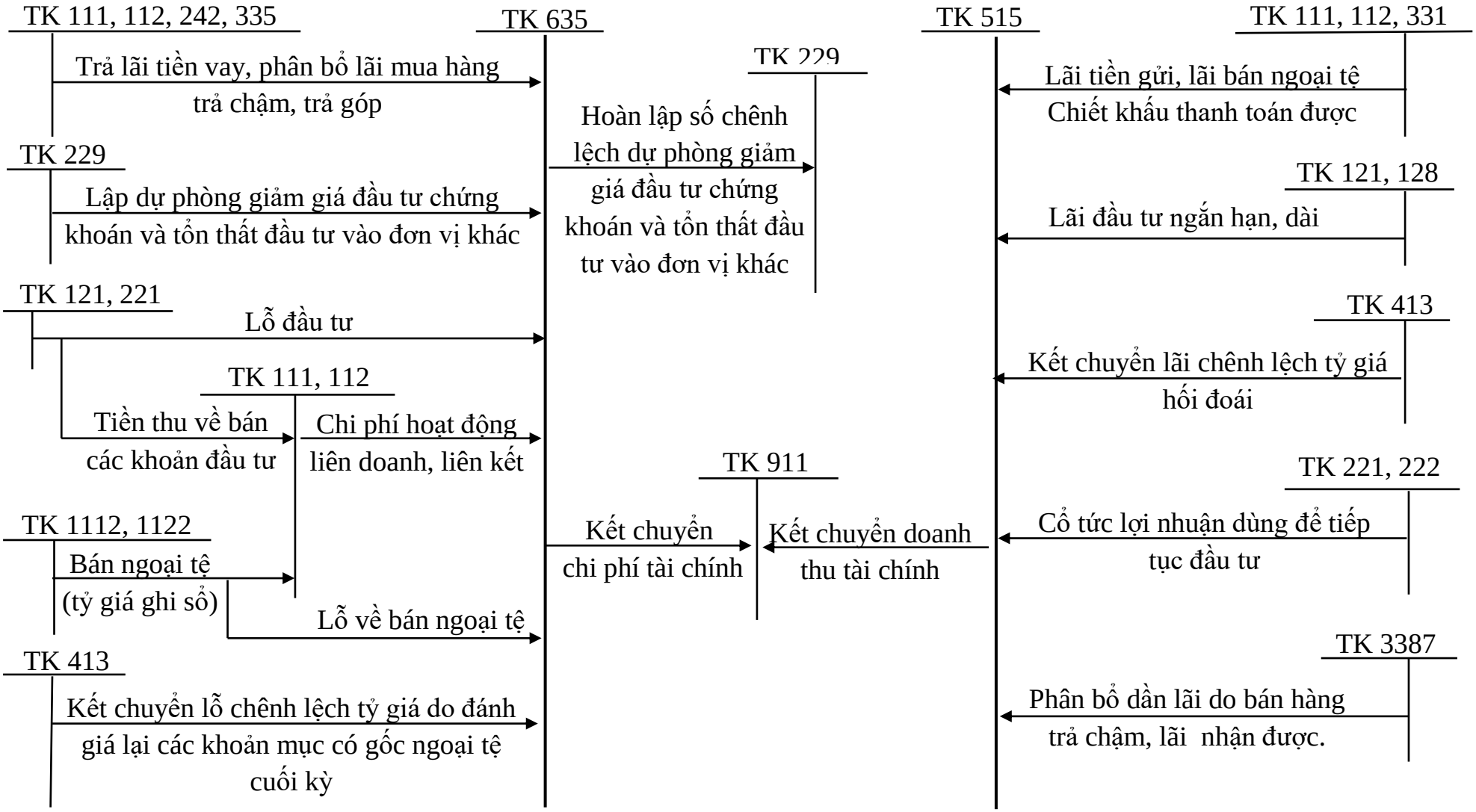


**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí và doanh thu hoạt động tài chính.**

### 1.3.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

#### 1.3.6.1. Chứng từ sử dụng.

- ✓ Biên bản đánh giá lại tài sản.
- ✓ Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

#### 1.3.6.2. Tài khoản sử dụng.

❖ **Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

⇨ Kết cấu:

| **Nợ** | **TK 711** | **Có** |
|---|---|---|
| - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.<br>- Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911. | | - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. |
| **TK 711 không có số dư cuối kỳ** | | |

❖ **Tài khoản 811 – Chi phí khác.**

⇨ Kết cấu:

| **Nợ** | **TK 811** | **Có** |
|---|---|---|
| - Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ . | | - Kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911. |
| **TK 811 không có số dư cuối kỳ** | | |

#### 1.3.6.3. Phương pháp hạch toán.

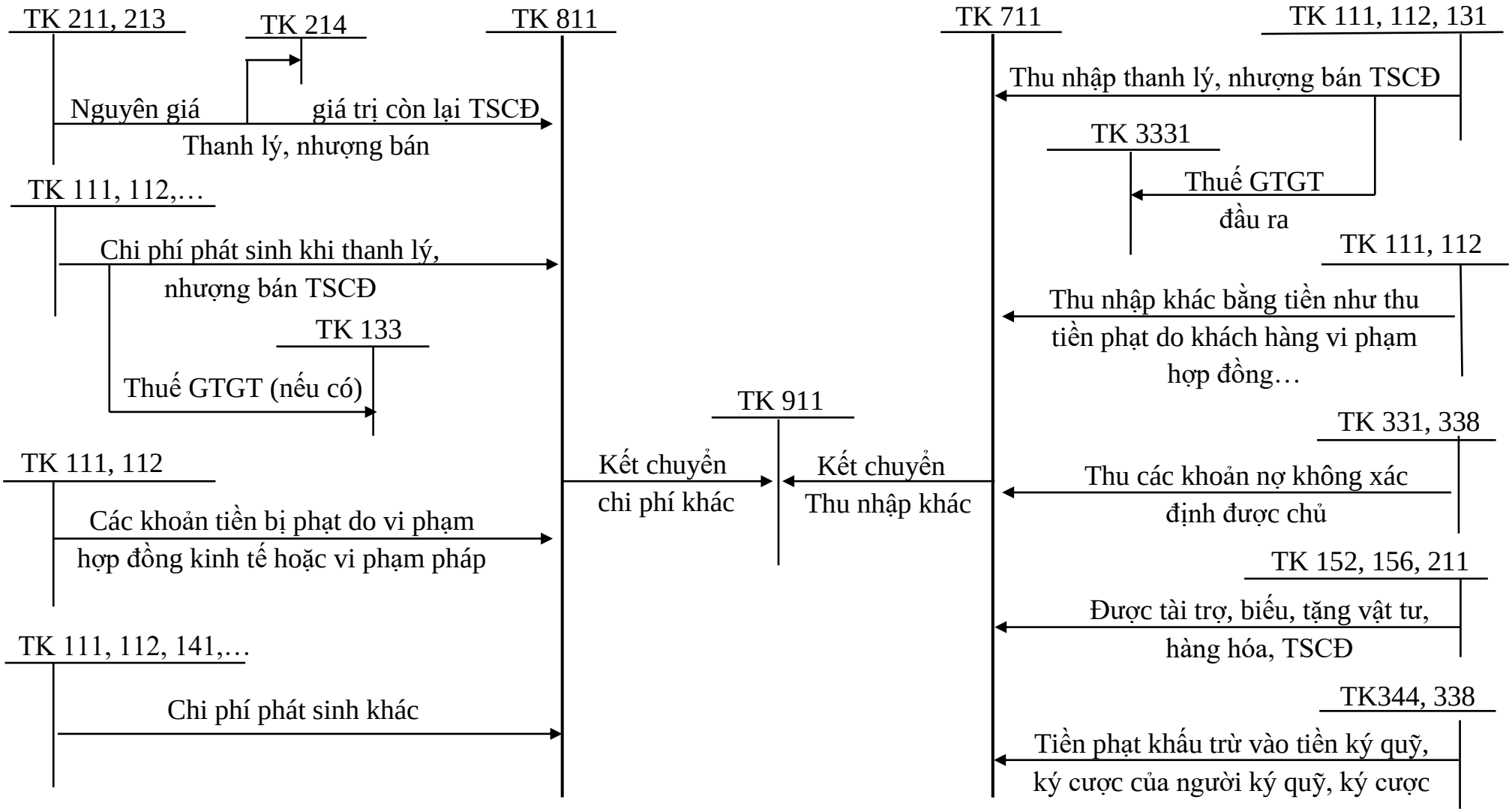


**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập và chi phí khác.**

### 1.3.7. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn DN.

#### 1.3.7.1. Chứng từ sử dụng.

- ✓ Phiếu kế toán.
- ✓ Quyết định xử lý lỗ các năm trước.
- ✓ Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp.
- ✓ Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

#### 1.3.7.2. Tài khoản sử dụng.

❖ **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.**

⇨ Kết cấu:

| **Nợ** | **TK 911** | **Có** |
|---|---|---|
| - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.<br>- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.<br>- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.<br>- Kết chuyển lãi. | | - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.<br>- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.<br>- Kết chuyển lỗ. |
| **TK 911 không có số dư cuối kỳ** | | |

❖ **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

⇨ Các tài khoản cấp 2:

- TK8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

*Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.*

❖ **Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.**

⇨ Các tài khoản cấp 2:

- TK4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- TK4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

⇨ Kết cấu:

| Nợ | TK 421 | Có |
|---|---|---|
| - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.<br>- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.<br>- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu.<br>- Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu. | | - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.<br>- Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.<br>- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh. |
| **Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có** | | |
| - Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý. | | - Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng. |

### 1.3.7.3. Phương pháp hạch toán.

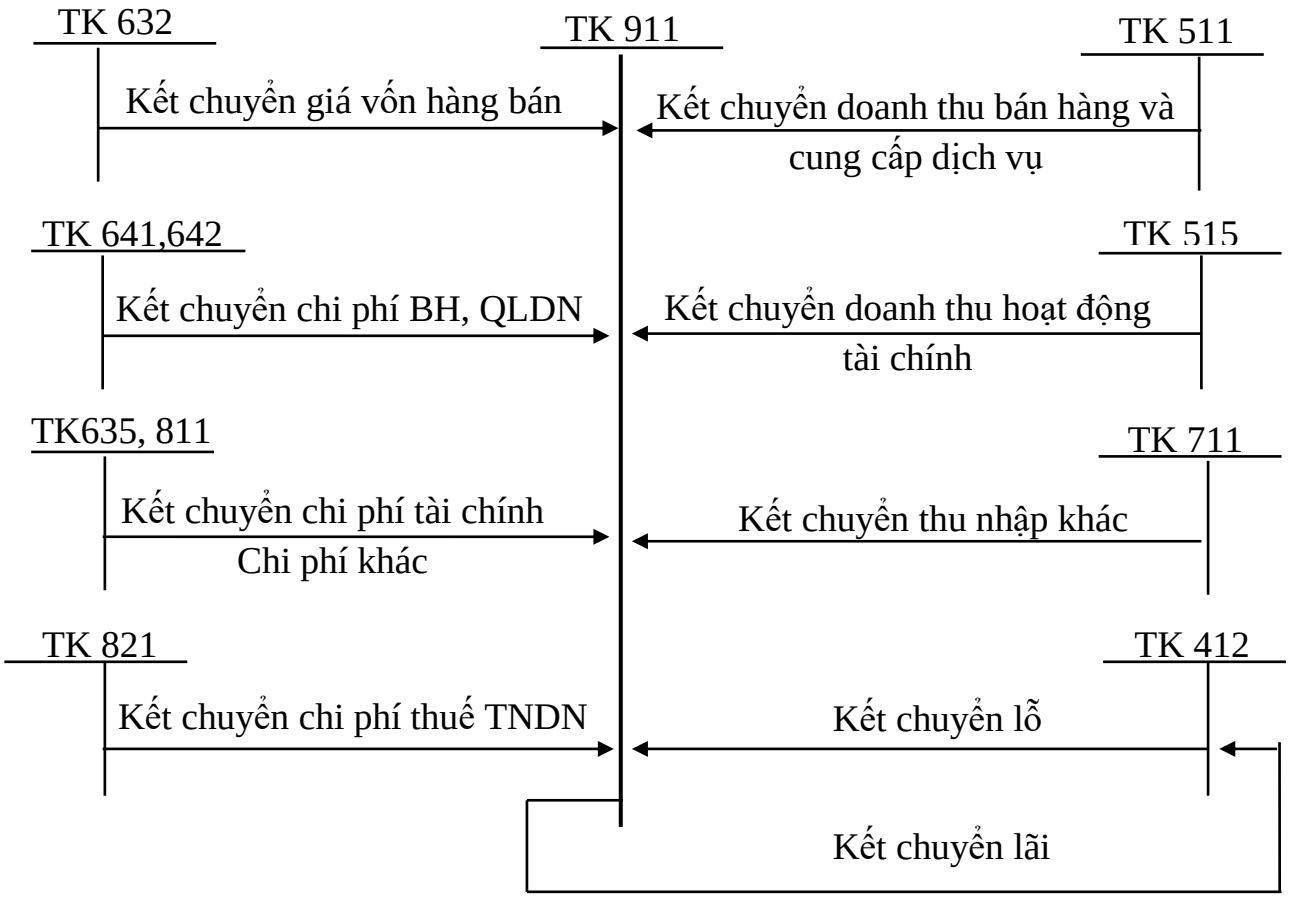


**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

## 1.4. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.

Để ghi chép, hệ thống các thông tin kế toán doanh nghiệp phải sử dụng một hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có.

Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức Kế toán máy

### 1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

- **Đặc điểm:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi theo thứ tự thời gian, theo quan hệ đối ứng của các tài khoản vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan.
- **Ưu điểm:** Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện phân công công việc.
- **Nhược điểm:** Số lượng sổ sử dụng nhiều, công việc đối chiếu dồn vào cuối tháng.

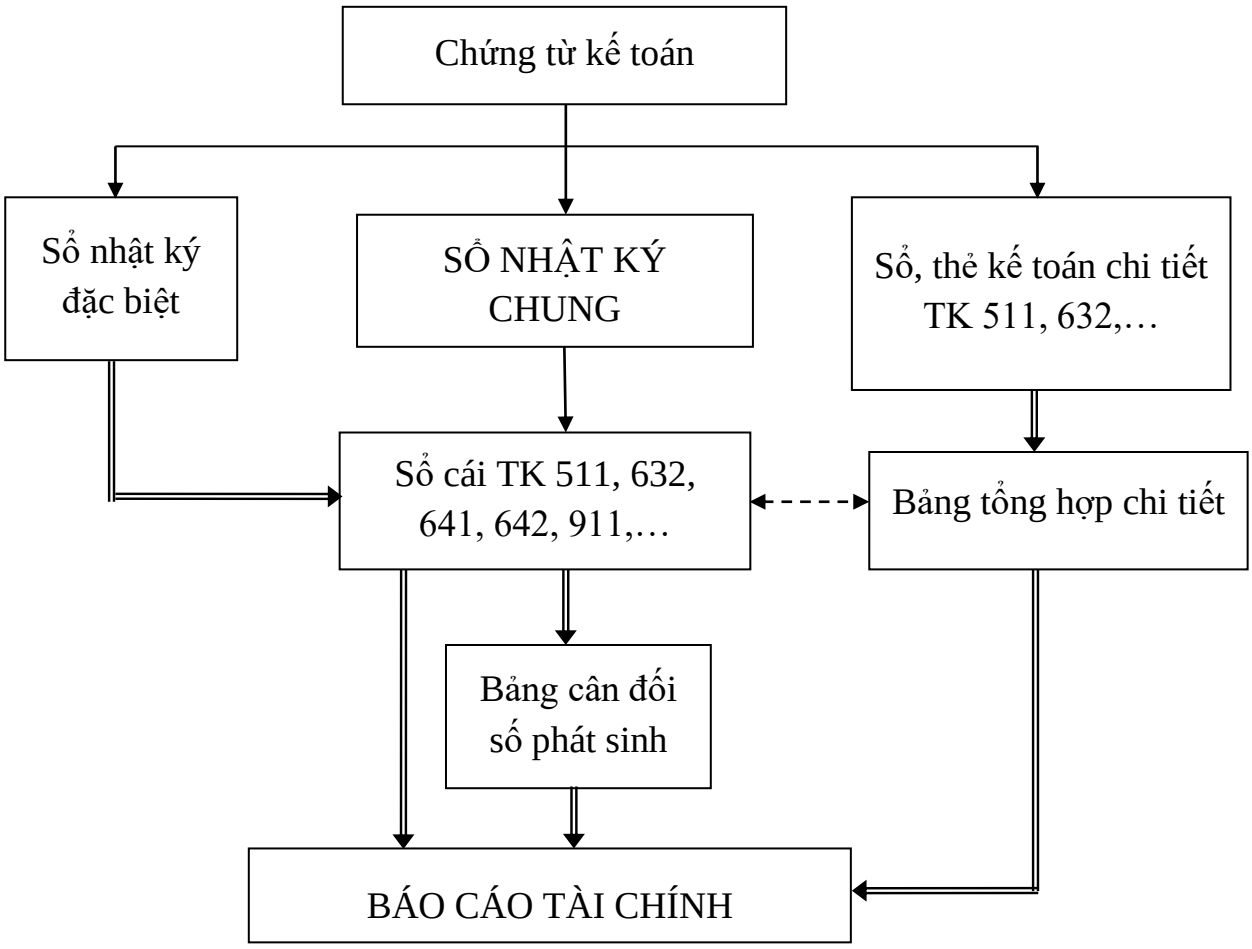


**Trong đó:**

Ghi hàng ngày

Ghi vào cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

### 1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

- ***Đặc điểm:*** Sử dụng Sổ nhật ký sổ cái làm sổ tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và theo hệ thống trên cùng một trang sổ.
- ***Ưu điểm:*** Sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu.
- ***Nhược điểm:*** Khó phân công công việc.

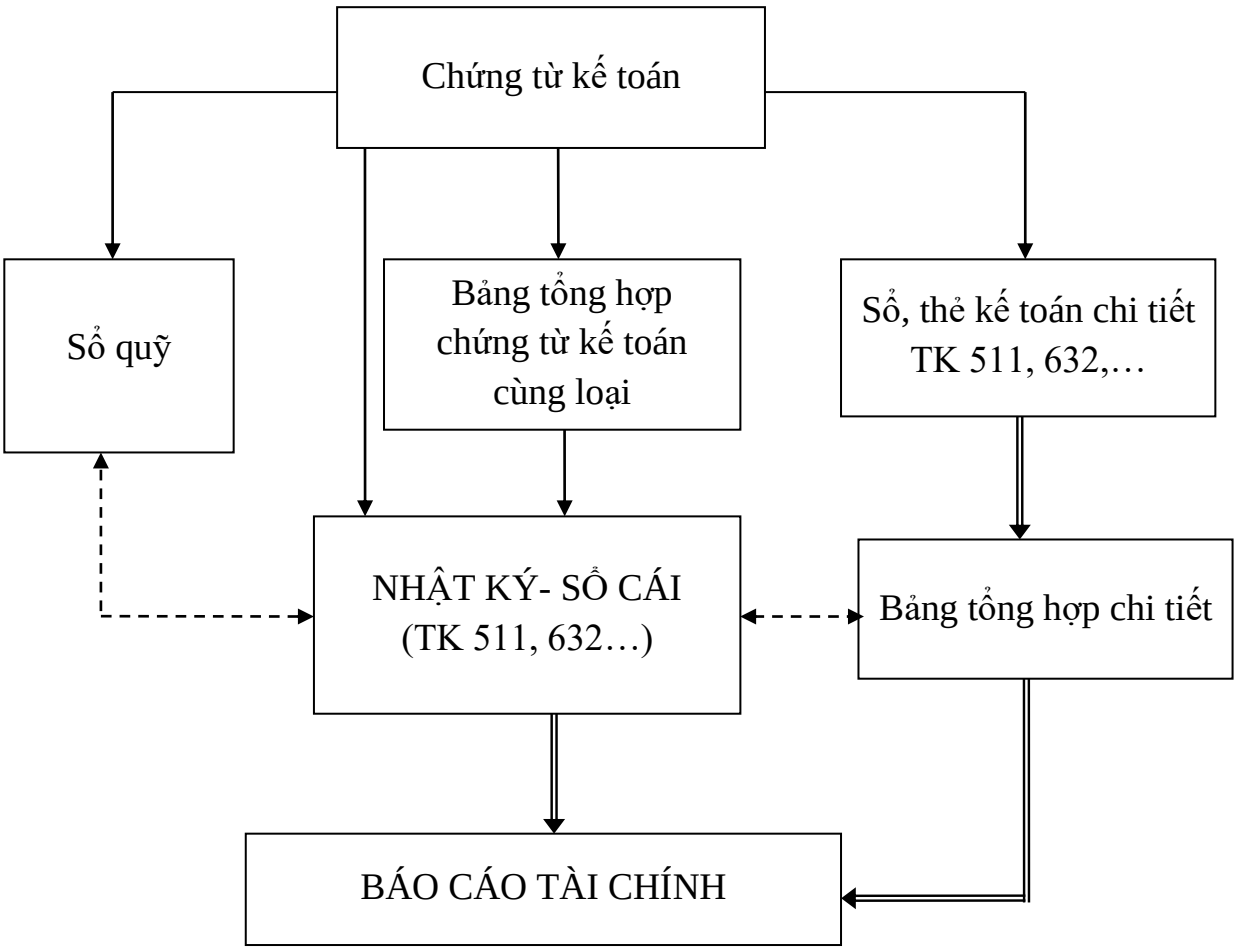


**Trong đó:**

Ghi hàng ngày

Ghi vào cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

### 1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

- ***Đặc điểm:*** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại, tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan.
- ***Ưu điểm:*** Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.
- ***Nhược điểm:*** Ghi chép còn trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều.

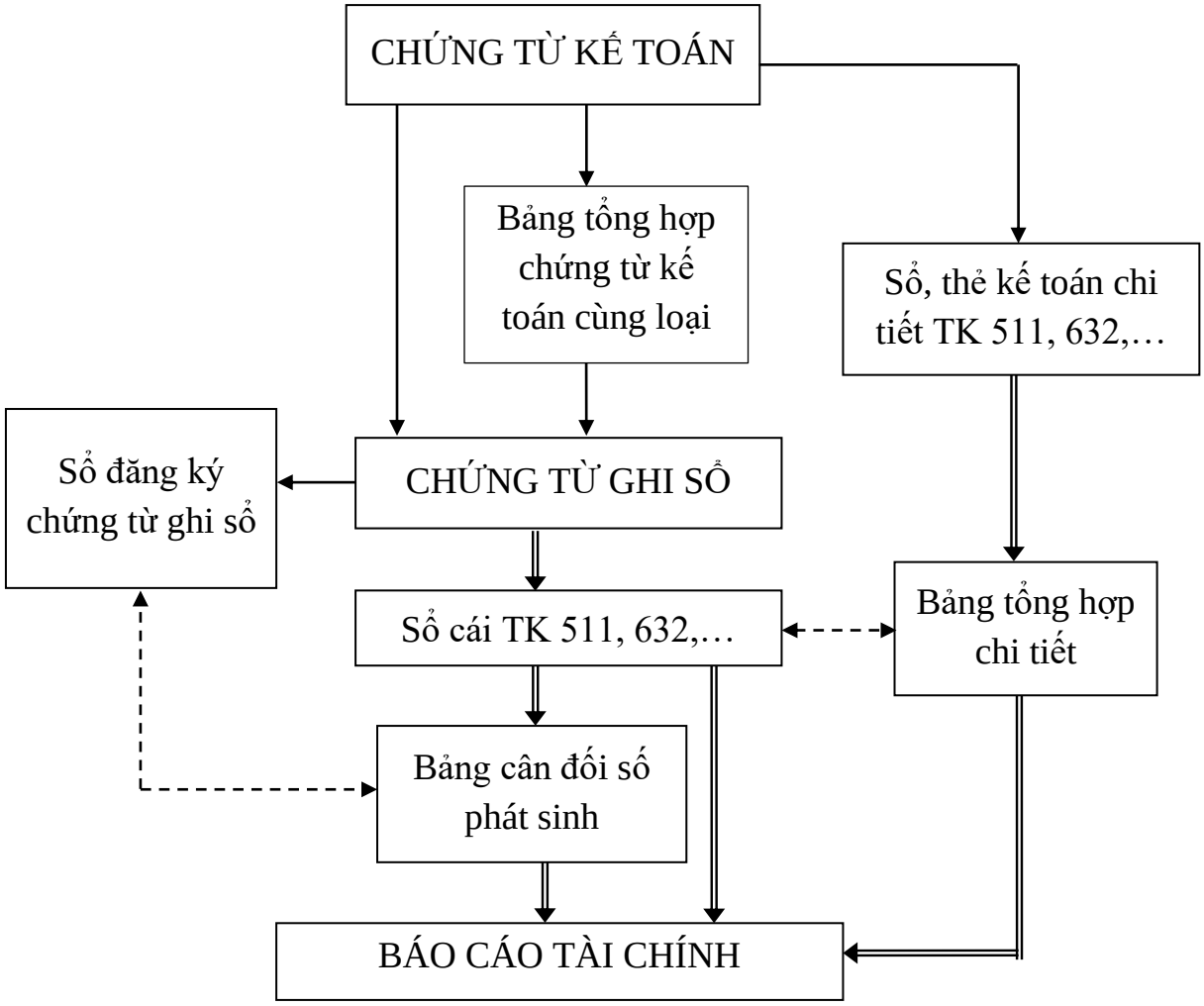


**Trong đó:**

Ghi hàng ngày

Ghi vào cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 1.11: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

### 1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.

- ***Đặc điểm:*** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào Bảng kê và Nhật ký chứng từ. Cuối tháng tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.
- ***Ưu điểm:*** Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ sách theo quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra.
- ***Nhược điểm:*** Mẫu sổ phức tạp, đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng.

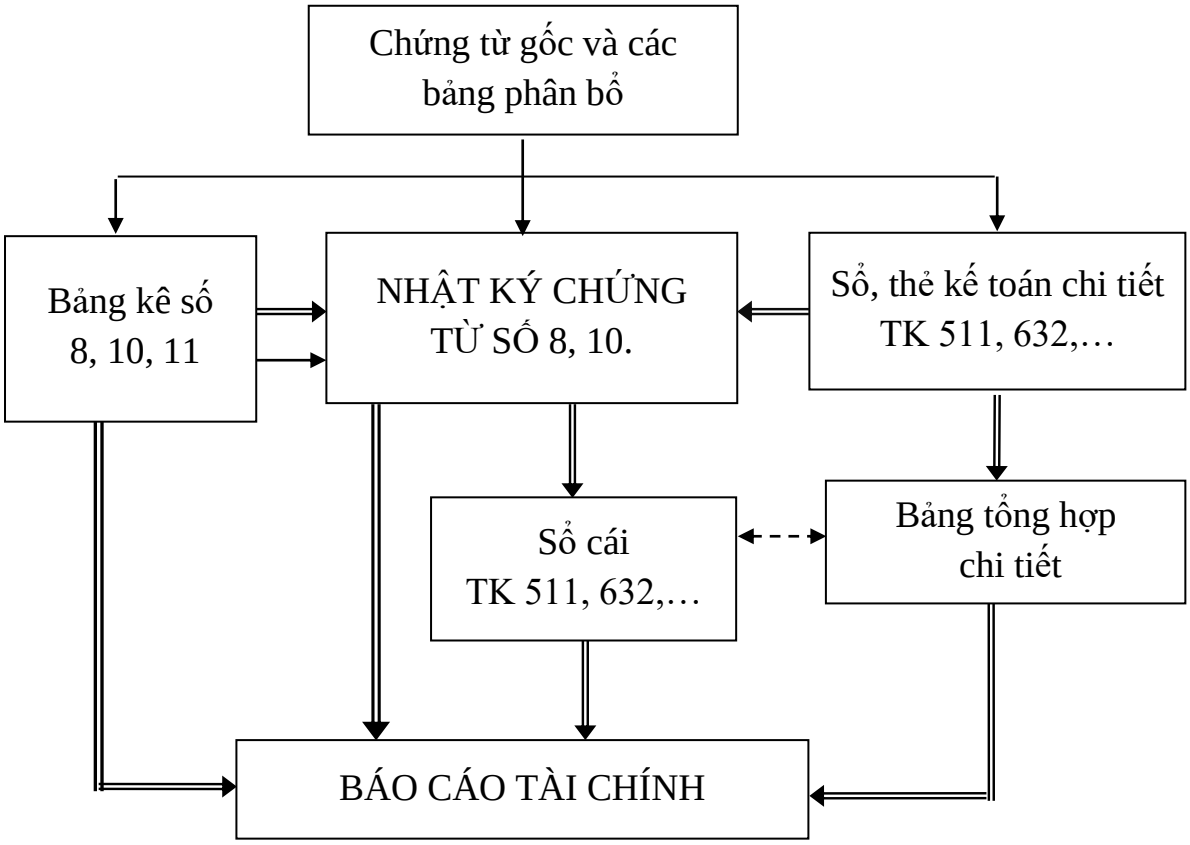


**Trong đó:**

Ghi hàng ngày

Ghi vào cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 1.12: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ**

### 1.4.5. Hình thức Kế toán máy.

Đặc điểm của hình thức này là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết lập theo nguyên tắc của 1 trong 4 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

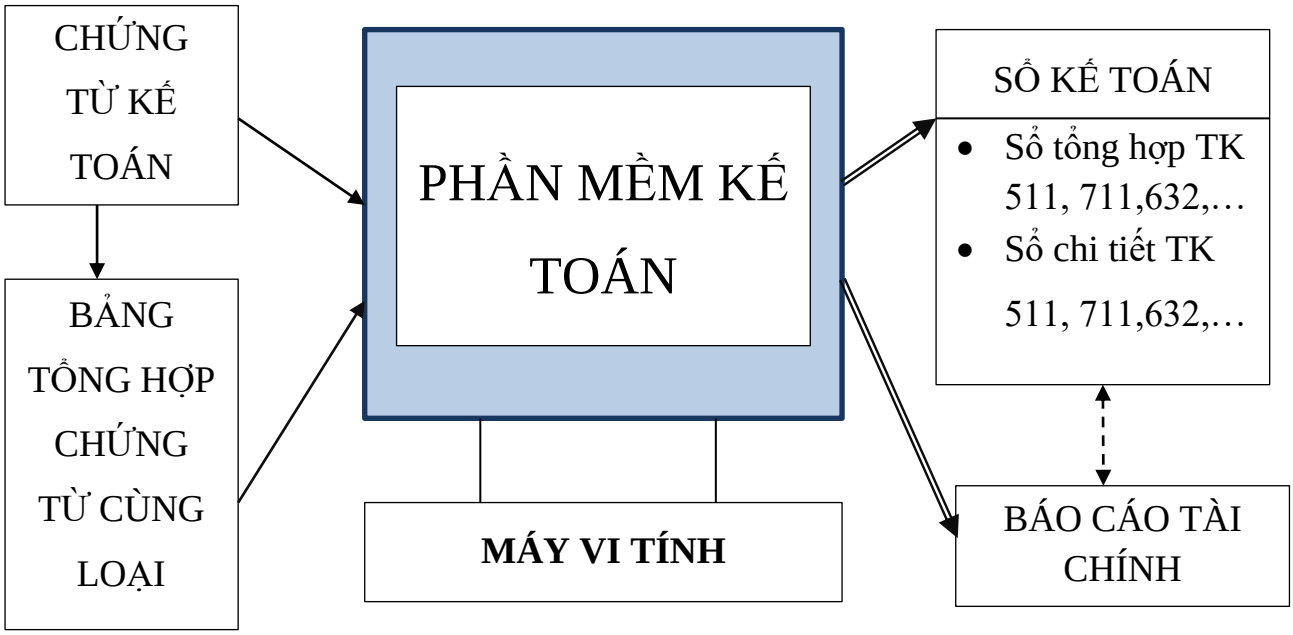


**Trong đó:**

Nhập số liệu hàng ngày

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm

Đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 1.13: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Kế toán máy**

# CHƯƠNG 2
# THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI.

## 2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

### *2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.*

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai – tiền thân là Bách Hóa Tổng Hợp Minh Khai được thành lập vào ngày 2/9/1977 theo quyết định số 350/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng .

Trải qua chặng đường gần 40 năm hình thành và phát triển, công ty đã có một số lần thay đổi về tổ chức với những tên gọi: *Bách hoá tổng hợp Minh Khai, Công ty thương nghiệp tổng hợp Minh Khai, Công ty Thương Mại Minh Khai*. Đến ngày 4/3/2004 theo quyết định số 561QĐ-VB của UBND thành phố Hải Phòng, Bách hoá tổng hợp Minh Khai đã được chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần thương mại Minh Khai.

- Tên công ty : Công Ty Cổ Phần Thương Mại Minh Khai
- Tên viết tắt : Minh Khai J.S.C
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 23 Minh Khai – Hồng Bàng –Hải Phòng
- Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc : Nguyễn Bích Hòa
- Số điện thoại : 031.3842346 Fax : 031.3842438
- Mã số thuế : 0200585677
- Số tài khoản: 102010000201669 tại ngân hàng Công thương Hải Phòng
  32110000141254 tại ngân hàng Đầu tư & Phát triển HP
  160314851005299 tại Ngân hàng Eximbank
- Email : sales@minhkhaijsc.vn
- Website : www.minhkhaitraco.com
- Vốn điều lệ: 22.726.000.000 VNĐ

Chuyển từ thời kỳ bao cấp sang nền kinh tế thị trường, Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai ngày càng mở rộng với 13 đơn vị trực thuộc, hơn 300 cán bộ công nhân viên cùng hệ thống chi nhánh phủ khắp cả nước.

**Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai**

| Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|---|---|
| 1. Tổng doanh thu thuần | 344.160.257.751 | 290.104.004.914 |
| 2. Giá vốn hàng bán | 304.158.910.806 | 260.104.227.854 |
| 3. Tổng lợi nhuận gộp | 40.001.346.945 | 30.709.777.060 |
| 4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 10.293.774.921 | 5.500.460.910 |
| 5. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 2.058.754.984 | 1.100.092.182 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 8.235.019.937 | 4.400.368.728 |

### *2.1.2. Đặc điểm hàng hóa và tổ chức kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.*

Công ty hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực thương mại và dịch vụ với các ngành nghề kinh doanh sau:

- Kinh doanh hàng công nghệ, điện máy, điện tử, thực phẩm công nghệ, các mặt hàng công cụ sản xuất nhỏ, các dịch vụ gia công chế biến vật tư, nguyên liệu, thiết bị nội thất, hàng tiêu dùng, xăng dầu, nước giải khát, rượu…
- Kinh doanh xuất nhập khẩu gạo, rất nhiều sản phẩm Gạo đặc sản đến từ miền Tây Nam Bộ - vựa lúa lớn nhất cả nước đã được công ty nhập về và phân phối khắp tỉnh thành miền Bắc như: Gạo thơm Jasmine, KDM; Gạo nếp Miền Nam; Gạo dẻo 6976, 4218, 5451; Gạo 5% tấm, 15% tấm, 25% tấm….
- Bên cạnh đó, công ty còn đẩy mạnh xuất khẩu Gạo, đem "Hạt ngọc Việt" đến với bạn bè các nước Philippines, Indonexia, Malaixia.
- Kinh doanh các dịch vụ như: cho thuê kho bãi nhà xưởng, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ nhà hàng, dịch vụ quảng cáo,….

### *2.1.3. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.*

- Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí tại Công ty Cổ phần thương Mại Minh Khai theo lĩnh vực hoạt động: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.
- Đối tượng hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai hạch toán chung cho mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị.

- Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai theo năm.

### *2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.*

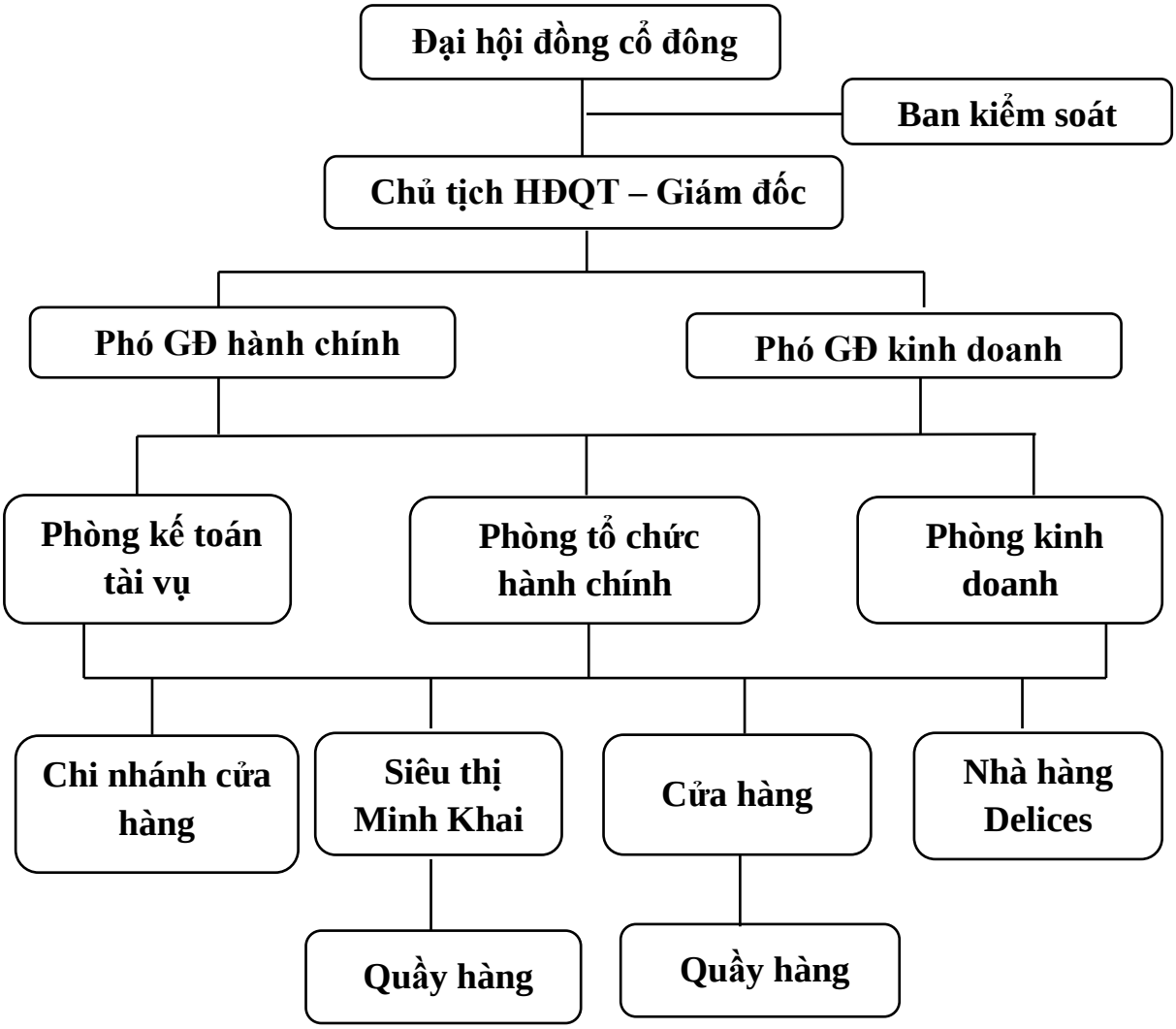


**Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức trong công ty**

➢ *Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc:*

Là người nắm quyền hành cao nhất trong công ty, ra quyết định tổ chức, chỉ đạo công tác kinh doanh.

➢ *Hai phó giám đốc:*

Là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc công ty về phần việc được phân công phụ trách và giúp giám đốc trong việc quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh.

➢ *Phòng kế toán tài vụ:*

Chịu trách nhiệm giúp và tham mưu cho giám đốc mọi mặt kết quả kinh doanh của công ty. Theo dõi khả năng tài chính bảo toàn vốn của doanh nghiệp, theo dõi chặt chẽ các khoản chi phí, tính toán các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước. Tổ chức hệ thống kế toán và phương pháp hạch toán theo chế độ quy định.

➢ *Phòng kinh doanh:*

Có nhiệm vụ lập kế hoạch, mua hàng, nhận đại lý cung cấp cho các cửa hàng trực thuộc, theo dõi sự biến động của giá cả, thông báo kết quả tình hình và tiến độ kế hoạch, nghiên cứu nhu cầu thị trường, xác lập hình thức tổ chức kinh doanh và danh mục mặt hàng, xác lập cơ cấu vĩ mô mặt hàng và dự báo yêu cầu mua dự trữ.

➢ *Phòng tổ chức hành chính:*

Quản lý nhân sự, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và chế độ BHXH cho cán bộ công nhân viên, bảo vệ toàn bộ vật tư, tài sản, hàng hoá của doanh nghiệp.

➢ *Cửa hàng trực thuộc là hệ thống siêu thị và các cửa hàng chi nhánh:*

- Chi nhánh trung tâm huyện Tiên Lãng.
- Cửa hàng, siêu thị Minh Khai.
- Cửa hàng Trần Quang Khải.
- Tổng kho An Hồng.

### *2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.*

❖ **Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.**

Bộ máy kế toán của công ty Cổ phần thương mại Minh Khai được tổ chức theo mô hình tập trung.

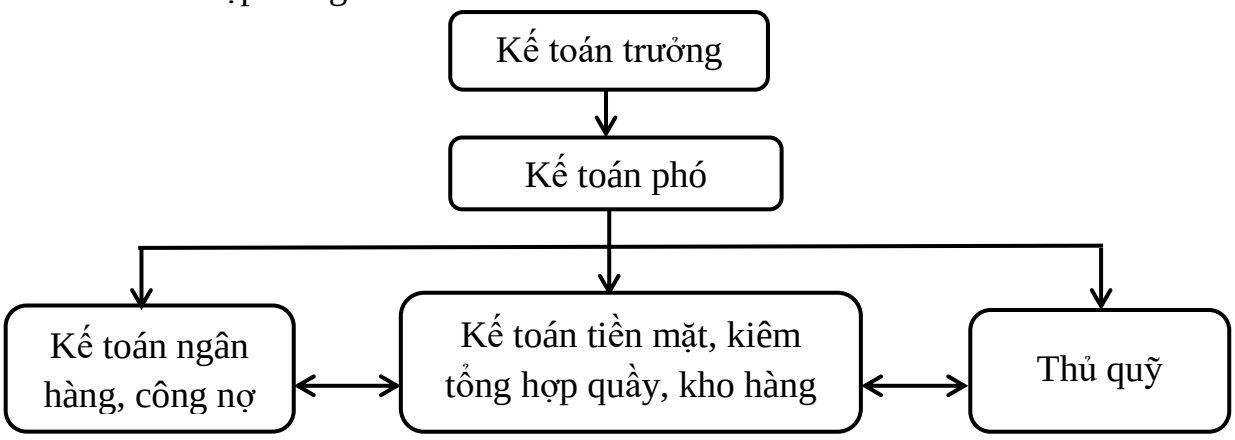


**Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty**

➢ *Kế toán trưởng:* là người trực tiếp quản lý và chỉ đạo chung mọi mặt của công tác Tài chính - Kế toán toàn công ty, giám sát và kiểm tra việc thực hiện hoạt động công tác kế toán, lập báo cáo tài chính,...

➢ *Kế toán phó:* là người trực tiếp nhận các báo cáo về quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, báo cáo công nợ, báo cáo về tình hình kinh doanh của các chi nhánh để lên báo cáo tài chính tổng hợp, báo cáo thuế cho toàn công ty.

➢ *Kế toán vốn bằng tiền kiêm tổng hợp quầy và kho hàng:* có nhiệm vụ phản ánh kịp thời, chính xác số hiện có và tình hình biến động của quỹ tiền mặt. Kiểm kê hàng hóa, nhập, xuất, tồn cuối tháng lên bảng cân đối hàng tồn kho. Kiểm kê quầy hàng cùng mậu dịch viên để lên báo cáo quỹ quầy.

➢ *Kế toán ngân hàng và công nợ:* theo dõi các khoản phải thu, phải trả cho khách hàng qua ngân hàng, đồng thời phải tính toán các khoản chi phí bỏ ra, chi phí quản lý và chi phí tiêu thụ; có nhiệm vụ thu thập các chứng từ có liên quan tới tiêu thụ để vào thẻ quầy, sổ chi tiết công nợ, xác định doanh thu tiêu thụ; căn cứ trị giá hàng mua vào trong kỳ để vào sổ chi tiết công nợ mua.

➢ *Thủ quỹ:* chức năng chính là nhận tiền, xuất tiền theo phiếu thu, phiếu chi.

❖ **Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.**

- Niên độ kế toán áp dụng là năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Giá hàng xuất kho và tồn kho tính theo phương pháp thực tế đích danh.
- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Khấu hao đường thẳng
- Chế độ và chuẩn mực kế toán áp dụng: Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký – Chứng từ.

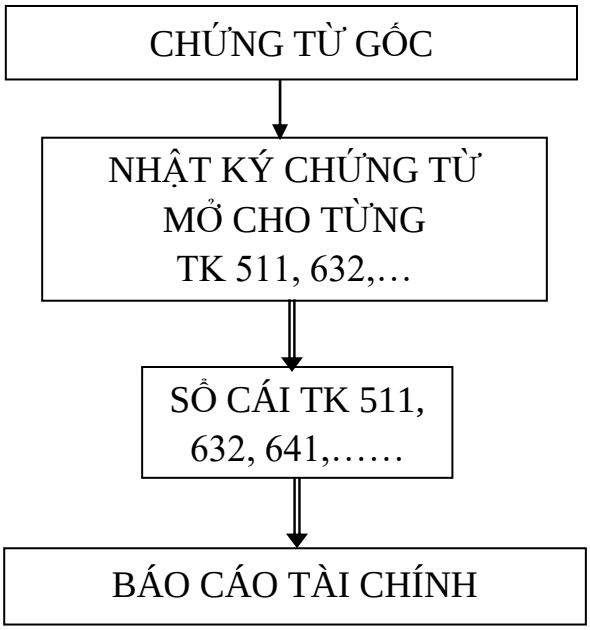


**Trong đó:**

Ghi hàng ngày ⟶

Ghi vào cuối tháng ⟹

**Sơ đồ 2.3: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ tại công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.**

## 2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

### 2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Minh Khai.

#### *2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.*

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Thẻ quầy hàng, Báo cáo bán hàng.
- Báo cáo chi tiết hàng ủy thác nhập, giao bán thẳng, nhận hàng.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng…
- Các chứng từ khác có liên quan.

Sổ kế toán sử dụng:

- Nhật ký chứng từ mở cho TK 511.
- Sổ cái TK 511.

**** Ví dụ minh họa 1:***

Ngày 01/12/2016 công ty xuất kho 99.770 kg gạo tẻ trắng bán cho Công ty TNHH TM & DV Đông Phương theo HĐ 0011597, đơn giá 8.950 đồng/kg, chưa thanh toán.

*Định khoản:*

Nợ TK 131 : 892.941.500

Có TK 511: 892.941.500

Căn cứ vào HĐ 0011597 (Biểu 2.1), kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chứng từ mở cho TK 511 (Biểu 2.8).

**Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT HĐ 0011597.**

| | |
|---|---|
| **HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**<br>Liên 3: Nội bộ<br>*Ngày **1** tháng **12** năm **2016*** | Mẫu số: 01<br>GTKT3/001<br>Ký hiệu: AA/15P<br>Số: 0011597 |

Đơn vị bán hàng: **Công ty cổ phần thương mại Minh Khai**
Mã số thuế: 0200585677
Địa chỉ: Số 23 Minh Khai, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng.
Điện thoại: 0313822803
Fax: 0313842438 Email: mktraco@hn.vnn.vn

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **Công ty TNHH TM & DV Đông Phương.**
Mã số thuế: **0101103724**
Địa chỉ: **680 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội.**
Hình thức thanh toán: **Chuyển khoản**
Số tài khoản: **1500201023547 Ngân hàng AGRIBANK Chi nhánh Hà Nội**

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| **1** | **Gạo tẻ trắng** | **Kg** | **99.770** | **8.950** | **892.941.500** |
| | | | | | |
| | | | | Cộng tiền hàng: | **892.941.500** |
| Thuế suất GTGT: **0%** | | | | Tiền thuế GTGT: | |
| | | | | Tổng cộng tiền thanh toán: | **892.941.500** |

Số tiền viết bằng chữ: ***Tám trăm chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm đồng***……

| Người mua hàng | Người bán hàng | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, đóng dấu, họ tên) |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**** Ví dụ minh họa 2:***

Ngày 10/12/2016 công ty xuất kho 49.710 kg gạo tẻ bán cho Công ty Cổ Phần Habeco Hải Phòng theo HĐ 0011599, đơn giá 8.950 đồng/kg, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

*Định khoản:*

Nợ TK 112 : 444.904.500

Có TK 511: 444.904.500

Căn cứ vào HĐ 0011599 (Biểu 2.2) và Giấy báo Có của ngân hàng Vietinbank (Biểu 2.3), kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chứng từ mở cho TK 511 (Biểu 2.8).

**Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT HĐ 0011599.**

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
Liên 3: Nội bộ
*Ngày* ***10*** *tháng* ***12*** *năm* ***2016***

Mẫu số: 01
GTKT3/001
Ký hiệu: AA/15P
Số: 0011599

Đơn vị bán hàng: **Công ty cổ phần thương mại Minh Khai**
Mã số thuế: 0200585677
Địa chỉ: Số 23 Minh Khai, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng.
Điện thoại: 0313822803
Fax: 0313842438 Email: mktraco@hn.vnn.vn

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **Công ty Cổ Phần Habeco Hải Phòng.**
Mã số thuế: **0200761964**
Địa chỉ: **Thị trấn Trường Sơn - An Lão - Hải Phòng.**
Hình thức thanh toán: **Chuyển khoản**
Số tài khoản: **160314851007877 Ngân hàng EXIMBANK Chi nhánh Hải Phòng**

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| **1** | **Gạo tẻ trắng** | **Kg** | **49.710** | **8.950** | **444.904.500** |
| | | | | | |
| | | | | Cộng tiền hàng: | **444.904.500** |
| Thuế suất GTGT: **0%** | | | | Tiền thuế GTGT: | |
| | | | | Tổng cộng tiền thanh toán: | **444.904.500** |

Số tiền viết bằng chữ: ***Bốn trăm bốn mươi tư triệu chín trăm linh tư nghìn năm trăm đồng*** ……

| Người mua hàng | Người bán hàng | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, đóng dấu, họ tên) |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.3: Giấy báo có của ngân hàng Công thương Hải Phòng.**

NH TMCP Công thương
CN Hải Phòng

# GIẤY BÁO CÓ

Ngày 10/12/2016

Mã GDV: BTTA
Số GD: 09785
Giờ: 14:35:09

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

Mã số thuế: 0200585677

Ngân hàng TMCP Công thương xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi Có với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 102010000201669

Số tiền bằng số: 444.904.500

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi tư triệu chín trăm linh tư nghìn năm trăm đồng.

Nội dung: Công ty CP Habeco Hải Phòng thanh toán HĐ 0011599

**GIAO DỊCH VIÊN** **KIỂM SOÁT**

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

*** Ví dụ minh họa 3:** Ngày 10/12/2016, Mậu dịch viên Minh Trang nộp tiền bán hàng là 52.250.000 đồng từ ngày 1/12/2016 – 10/12/2016 cho thủ quỹ công ty.

*Định khoản:*

Nợ TK 111 : 52.250.000

Có TK 511: 44.772.727

Có TK 3331: 4.477.273

Căn cứ vào Sổ quầy hàng (Mỗi một mặt hàng sẽ tương ứng một thẻ quầy hàng. Dưới đây là biểu mẫu cho 1 thẻ quầy hàng – Biểu 2.4), Mậu dịch viên sẽ vào Báo cáo bán hàng hàng ngày (Biểu 2.5).

Kế toán căn cứ vào báo cáo bán hàng để lập một HĐ GTGT cho tất cả các mặt hàng. (Biểu 2.6).

Khi Mậu dịch viên nộp tiền, kế toán sẽ lập phiếu thu (Biểu 2.7), từ đó vào sổ Nhật ký chứng từ mở cho TK 511 (Biểu 2.8)

**Biểu 2.4: Thẻ quầy hàng**

Công ty: CPTM Minh Khai

Cửa hàng:

Quầy: Tổng hợp

# THẺ QUẦY HÀNG

Nhóm:

Giá lẻ điều chỉnh:

Ngày điều chỉnh:

Tên hàng: **Bánh hộp Jectic 450g**

Số đăng ký:

Ký hiệu mã: **Jectic 450**

Ngày đăng ký:

Đơn vị tính: Hộp

Giá đơn vị: 118.000 đồng

| Ngày tháng | Nhập của kho | Nhập khác | Tổng cộng nhập | Tồn cuối ngày | Xuất bán | | Xuất khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Lượng | Tiền | |
| 1/12 | | | | 35 | 2 | | |
| 7/12 | | | | 31 | 4 | | |
| 10/12 | | | | 25 | 6 | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| **Cộng** Từ ngày 1→ 10 | | | | | **12** | | |

**Người lập**
(ký, họ và tên)

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.5: Báo cáo bán hàng hàng ngày**

Công ty: CPTM Minh Khai

Cửa hàng:

Quầy: Tổng hợp

# BÁO CÁO

## BÁN HÀNG HÀNG NGÀY

***Từ ngày 01 – 10/12/2016***

**I – HÀNG HÓA**

| STT | TÊN HÀNG HÓA VÀ QUY CÁCH PHẨM CHẤT | ĐVT | SL | THEO GIÁ BÁN LẺ NƠI BÁN | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Giá đơn vị | Thành tiền |
| 1 | Kẹo HQ 810g | Hộp | 10 | 108.000 | 1080.000 |
| 2 | Bánh Jectic 450g | Hộp | 12 | 118.000 | 1.416.000 |
| 3 | Bánh Chocbit 260g | Hộp | 20 | 40.000 | 800.000 |
| 4 | Bánh HG Fansy 300g | Hộp | 22 | 42.000 | 924.000 |
| 5 | Bánh Thái | Hộp | 38 | 103.000 | 3.914.000 |
| 6 | Bánh Michio 400g | Hộp | 14 | 120.000 | .680.000 |
| 7 | Bánh Mery 320g | Hộp | 15 | 90.000 | 1.350.000 |
| 8 | Bánh Fomos 400g | Hộp | 21 | 108.000 | 2.268.000 |
| 9 | Dilmah | Hộp | 19 | 35.000 | 665.000 |
| 10 | Kẹo gôm 475g | Gói | 37 | 95.000 | 3.515.000 |
| 11 | Bánh xốp 30g Apolo | Gói | 16 | 76.000 | 1.216.000 |
| 12 | Kẹo Caramix 325g | Gói | 4 | 41.000 | 1.39 .000 |
| 3 | Kẹo Foly 250g | Gói | 27 | 30.000 | 810.000 |
| 14 | Kẹo Foly 350g | Gói | 24 | 42.000 | 1.008.000 |
| 15 | Trà nhài túi lọc 50g | Hộp | 50 | 25.000 | 1.250.000 |
| | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| | **CỘNG** | | | | **52.250.000** |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.6: Hóa đơn GTGT HĐ 0011600.**

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
Liên 3: Nội bộ
*Ngày* ***10*** *tháng* ***12*** *năm* ***2016***

Mẫu số: 01
GTKT3/001
Ký hiệu: AA/15P
Số: 0011600

Đơn vị bán hàng: **Công ty cổ phần thương mại Minh Khai**
Mã số thuế: 0200585677
Địa chỉ: Số 23 Minh Khai, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng.
Điện thoại: 0313822803
Fax: 0313842438 Email: mktraco@hn.vnn.vn

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **Kê khai bán hàng từ ngày**
Địa chỉ: **1/12/2016 – 10/12/2016 quầy Tổng hợp (bán lẻ)**
Mã số thuế:
Hình thức thanh toán: **Tiền mặt** Số TK:

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| **1** | **Bánh, kẹo, trà bán từ ngày 1/12/2016 – 10/12/2016** | | | | **44.772.727** |
| | | | | | |
| | | | | Cộng tiền hàng: | **44.772.727** |
| Thuế suất GTGT: **10%** | | | | Tiền thuế GTGT: | **4.477.273** |
| | | | | Tổng cộng tiền thanh toán: | **52.250.000** |

Số tiền viết bằng chữ: ***Năm mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng.***

| Người mua hàng | Người bán hàng | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, đóng dấu, họ tên) |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.7: Phiếu thu số 18/10**

**Đơn vị:** CT CPTM Minh Khai
**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, HP

**Mẫu số 01 – TT**
(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

*Ngày 10 tháng 12 năm 2016*

Quyển số: 10
Số: 18/10

Nợ: 1111
Có: 511, 3331

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Minh Trang

Địa chỉ: Quầy tổng hợp

Lý do: Thu tiền bán hàng

Số tiền: 52.250.000

(Viết bằng chữ): Năm mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng.

Kèm theo: Chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng.

*Ngày 10 tháng 12 năm 2016*

| **Giám đốc** | **Kế toán trưởng** | **Người nộp tiền** | **Người lập phiếu** | **Thủ quỹ** |
|---|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên, đóng dấu)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.8: Nhật ký chứng từ mở cho TK 511**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

Địa chỉ: 23 Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ**
**TK 511**
**Năm 2016**

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi Nợ TK 511, ghi Có TK sau | | Ghi Có TK 511, ghi Nợ TK sau | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | NT | | TK 911 | Cộng nợ TK 511 | TK 111 | TK 112 | TK 131 | Cộng có TK 511 |
| ..... | ..... | ..... | ..... | | | ..... | ..... | ..... | ..... |
| 1/12 | HĐ11597 | 01/12 | Bán gạo tẻ trắng cho Công ty TNHH TM & DV Đông Phương. | | | | | 892.941.500 | 892.941.500 |
| ..... | ..... | ..... | ..... | | | ..... | ..... | ..... | ..... |
| 10/12 | HĐ11599 GBC9785 | 10/12 | Bán gạo tẻ cho Công ty CP Habeco Hải Phòng | | | | 444.904.500 | | 444.904.500 |
| 10/12 | HĐ11600 PT 18/10 | 10/12 | Thu tiền bán lẻ hàng hóa | | | 52.250.000 | | | 52.250.000 |
| ..... | ..... | ..... | ..... | | | ..... | ..... | ..... | ..... |
| 31/12 | PKT35 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu, thu nhập năm 2016 | 344.160.257.751 | 344.160.257.751 | | | | |
| | | | **Cộng năm** | **344.160.257.751** | **344.160.257.751** | **43.275.318,000** | **105.207.353.251** | **195.677.586.500** | **344.160.257.751** |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chứng từ mở cho TK 511, kế toán tiến hành ghi Sổ cái TK 511 (Biểu 2.9).

**Biểu 2.9: Sổ cái 511**

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai.
**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng.

**Mẫu số S05-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**
**Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng**
**Năm 2016**

| **Số dư đầu kỳ** | |
|---|---|
| Nợ | Có |
| | |

| **Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này** | **Tổng cả năm** |
|---|---|
| 911 | 344.160.257.751 |
| | |
| **Cộng phát sinh Nợ** | **344.160.257.751** |
| **Cộng phát sinh Có** | **344.160.257.751** |
| **Dư Nợ** | |
| **Dư Có** | |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

***2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.***

Giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Khi xuất kho lô hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của lô hàng đó.

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

Sổ kế toán sử dụng:

- Nhật ký chứng từ mở cho TK 632.
- Sổ cái TK 632.

**** Ví dụ minh họa 1:***

Ngày 01/12/2016 công ty xuất kho 99.770 kg gạo tẻ trắng bán cho Công ty TNHH TM & DV Đông Phương theo HĐ 0011597.

Dựa vào sổ chi tiết sản phẩm, hàng hóa (Biểu 2.10), kế toán tiến hành xác định đơn giá hàng xuất kho rồi lập phiếu xuất kho số 02/12 (Biểu 2.11).

*Định khoản:*

Nợ TK 632 : 769.226.700

Có TK 156: 769.226.700

**** Ví dụ minh họa 2:***

Ngày 10/12/2016 công ty xuất kho 49.710 kg gạo tẻ bán cho Công ty Cổ Phần Habeco Hải Phòng theo HĐ 0011599.

Dựa vào sổ chi tiết sản phẩm, hàng hóa (Biểu 2.10), kế toán tiến hành xác định đơn giá hàng xuất kho rồi lập phiếu xuất kho số 09/12 (Biểu 2.12).

*Định khoản:*

Nợ TK 632 : 383.264.100

Có TK 156: 383.264.100

**Biểu 2.10: Trích sổ chi tiết sản phẩm, hàng hóa.**

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai. **Mẫu số S10-DN**

**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng. (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Tháng 12 năm 2016

Tài khoản: 156

Tên quy cách sản phẩm, hàng hóa: Gạo tẻ trắng.

Đơn vị tính: Kg

| Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| SH | NT | | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền |
| | | Số dư đầu kỳ | | 7.710 | | | | | 781.000 | 6.021.510.000 |
| PXK 02/12 | 01/12 | Xuất hàng theo HĐ11597 | 632 | 7.710 | | | 99.770 | 769.226.700 | 681.230 | 5.252.283.300 |
| PXK 09/12 | 10/12 | Xuất hàng theo HĐ11599 | 632 | 7.710 | | | 49.710 | 383.264.100 | 631.520 | 4.869.019.200 |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| | | Cộng tháng | | | 792.400 | 6.101.480.000 | 676.090 | 5.217.602.900 | | |
| | | Số dư cuối kỳ | | | | | | | 897.310 | 6.905.387.100 |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.11: Phiếu xuất kho số 02/12**

Đơn vị: CT CPTM Minh Khai
Địa chỉ: 23 Hồng Bàng, Hải Phòng.

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/21/2014 của Bộ tài chính)

## PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 1 tháng 12 năm 2016
Quyển: 12
Số: 02/12

Nợ TK 632
Có TK 156

Người nhận hàng: Lê Thị Tuyết
Tên đơn vị nhận: Công ty TNHH TM & DV Đông Phương.
Lý do xuất kho: Xuất bán theo HĐ 0011597
Xuất tại kho:

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá | Mã số | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Gạo tẻ trắng | | Kg | 99.770 | 7.710 | 769.226.700 |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | **Cộng** | | | **99.770** | | **769.226.700** |

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bảy trăm sáu mươi chín triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng.

*Ngày 1 tháng 12 năm 2016*

| Người lập phiếu | Người nhận hàng | Thủ kho | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|---|---|
| (*Ký, họ tên*) | (*Ký, họ tên*) | (*Ký, họ tên*) | (*Ký, họ tên*) | (*Ký, họ tên*) |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.12: Phiếu xuất kho số 09/12**

Đơn vị: CT CPTM Minh Khai Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: 23 Hồng Bàng, Hải Phòng. (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/21/2014 của Bộ tài chính)

## PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Quyển: 12

Số: 09/12

Nợ TK 632

Có TK 156

Người nhận hàng: Đỗ Minh Hoàng

Tên đơn vị nhận: Công ty CP Habeco Hải Phòng

Lý do xuất kho: Xuất bán theo HĐ 0011599

Xuất tại kho:

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá | Mã số | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Gạo tẻ trắng | | Kg | 49.710 | 7.710 | 383.264.100 |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | **Cộng** | | | **49.710** | | **383.264.100** |

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm tám mươi ba triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn một trăm đồng.

*Ngày 10 tháng 12 năm 2016*

| Người lập phiếu (*Ký, họ tên*) | Người nhận hàng (*Ký, họ tên*) | Thủ kho (*Ký, họ tên*) | Kế toán trưởng (*Ký, họ tên*) | Giám đốc (*Ký, họ tên*) |
|---|---|---|---|---|

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai).*

**** Ví dụ minh họa 3:***

Ngày 10/12/2016: Căn cứ vào Báo cáo bán hàng (Biểu 2.5), kế toán xác định giá vốn xuất kho dựa vào sổ chi tiết (tương tự như việc tính đơn giá cho các mặt hàng ở ví dụ 1 và ví dụ 2), rồi viết phiếu xuất kho số 14/12 (Biểu 2.13).

Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán định khoản:

Nợ TK 632 : 38.696.209

Có TK 156: 38.696.209

**Biểu 2.13: Phiếu xuất kho số 14/12**

Đơn vị: CT CPTM Minh Khai Mẫu số 02-VT
Địa chỉ: 23 Hồng Bàng, Hải Phòng. (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/21/2014 của Bộ tài chính)

**PHIẾU XUẤT KHO** Số 14/12

*Ngày 10 tháng 12 năm 2016*

Người nhận hàng: **Nguyễn Minh Trang**
Tên đơn vị nhận: **Quầy tổng hợp**
Lý do xuất kho: **Chuyển bán (Bán lẻ)**
Xuất tại kho:

| TT | TÊN HÀNG | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Kẹo HQ 810g | Hộp | 10 | 96.165 | 961.650 | |
| 2 | Bánh Jectic 450g | Hộp | 12 | 95.400 | 1.144.800 | |
| 3 | Bánh Chocbit 260g | Hộp | 20 | 32.727 | 654.540 | |
| 4 | Bánh HG Fansy 300g | Hộp | 22 | 33.636 | 739.992 | |
| 5 | Bánh Thái | Hộp | 38 | 78.065 | 2.966.470 | |
| 6 | Bánh Michio 400g | Hộp | 14 | 98.182 | 1.374.548 | |
| 7 | Bánh Mery 320g | Hộp | 15 | 72.230 | 1.083.450 | |
| 8 | Bánh Fomos 400g | Hộp | 21 | 88.183 | 1.851.843 | |
| 9 | Dilmah | Hộp | 19 | 27.273 | 518.187 | |
| 10 | Kẹo gôm 475g | Gói | 37 | 74.546 | 2.758.202 | |
| 11 | Bánh xốp 30g Apolo | Gói | 16 | 60.000 | 960.000 | |
| 12 | Kẹo Caramix 325g | Gói | 34 | 37.272 | 1.267.248 | |
| 13 | Kẹo Foly 250g | Gói | 27 | 24.091 | 650.457 | |
| 14 | Kẹo Foly 350g | Gói | 24 | 34.042 | 817.008 | |
| 15 | Trà nhài túi lọc 50g | Hộp | 50 | 18.700 | 935.000 | |
| | ..... | ..... | ..... | ……. | …….. | |
| | **Cộng** | | | | **38.696.209** | |

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi tám triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm linh chín đồng.

| **Người lập phiếu** (*Ký, họ tên*) | **Người nhận hàng** *(Ký, họ tên)* | **Thủ kho** (*Ký, họ tên*) | **Kế toán trưởng** (*Ký, họ tên*) | **Giám đốc** (*Ký, họ tên*) |
|---|---|---|---|---|

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

Căn cứ vào các phiếu xuất kho, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chứng từ mở cho TK 632 (Biểu 2.14)

**Biểu 2.14: Nhật ký chứng từ mở cho TK 632**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

Địa chỉ: 23 Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ**

**TK 632**

**Năm 2016**

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi Nợ TK 632, ghi Có TK sau | | Ghi Có TK 632, ghi Nợ TK sau | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | NT | | TK 156 | Cộng nợ TK 632 | TK 911 | Cộng có TK 632 |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | | |
| 1/12 | PXK02/12 | 01/12 | Bán gạo tẻ trắng cho Công ty TNHH TM & DV Đông Phương. | 769.226.700 | 769.226.700 | | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | | |
| 10/12 | PXK09/12 | 10/12 | Bán gạo tẻ cho Công ty CP Habeco Hải Phòng | 383.264.100 | 383.264.100 | | |
| 10/12 | PXK14/12 | 10/12 | Xuất bán lẻ trên quầy | 38.696.209 | 38.696.209 | | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | | |
| 31/12 | PKT36 | 31/12 | Kết chuyển chi phí kinh doanh năm 2016 | | | 304.158.910.806 | 304.158.910.806 |
| | | | **Cộng năm** | **304.158.910.806** | **304.158.910.806** | **304.158.910.806** | **304.158.910.806** |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chứng từ mở cho TK 632, kế toán tiến hành ghi Sổ cái TK 632 (Biểu 2.15).

**Biểu 2.15: Sổ cái 632**

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai.
**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng.

**Mẫu số S05-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**
**Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**
**Năm 2016**

| **Số dư đầu kỳ** | |
|---|---|
| Nợ | Có |
| | |

| **Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này** | **Tổng cả năm** |
|---|---|
| 156 | 304.158.910.806 |
| | |
| **Cộng phát sinh Nợ** | **304.158.910.806** |
| **Cộng phát sinh Có** | **304.158.910.806** |
| **Dư Nợ** | |
| **Dư Có** | |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

### *2.2.1.3: Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.*

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo Nợ.
- Bảng tính khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ tiền lương vào BHXH.
- Các chứng từ khác có liên quan.

Sổ kế toán sử dụng:

- Nhật ký chứng từ mở cho TK 641, 642.
- Sổ cái TK 641, 642.

**** Ví dụ minh họa 1:***

Ngày 8/12/2016 Công ty thanh toán chi phí kiểm định theo hóa đơn HĐ GTGT số 0008520 (Biểu 2.16) và phiếu chi số 23/10 (Biểu 2.17).

*Định khoản:*

Nợ TK 641: 5.885.714

Nợ TK133: 294.286

Có TK 111: 6.180.000

Căn cứ vào hóa đơn và phiếu chi, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chứng từ mở cho TK 641 (Biểu 2.22)

**Biểu 2.16: Hóa đơn GTGT HĐ0008520.**

Quatest 1

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**
Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
Điện thoại: 043.7564188 – Fax: 043.8361199 – Webside:www.quatest1.com.vn
Số TK: 021704060005338 Ngân hàng TMCP Quốc tế, CN Cầu Giấy, PGĐ Số 2
Số TK: 1020100000058162 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
Số TK: 0000 0000 5931 Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, CN Đống Đa.
**MST:** 0 1 0 0 1 1 1 6 0 2

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
Liên 2: Giao khách hàng
*Ngày* ***8*** *tháng* ***12*** *năm* ***2016***

Mẫu số: 01
GTKT3/002
Ký hiệu: AA/16P
Số: 0008520

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **Công ty cổ phần thương mại Minh Khai.**
Mã số thuế: **0200585677.**
Địa chỉ: **Số 23 Minh Khai, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng.**
Hình thức thanh toán: **tiền mặt .** Số tài khoản:

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| **1** | **Thử nghiệm gạo tẻ TN4/4693** | | | | **4.285.714** |
| **2** | **Kiểm định 02 mẫu máy đo độ ẩm gạo 601/ĐL4** | | | | **1.600.000** |
| | | | | | |
| | | | | Cộng tiền hàng: | **5.885.714** |
| Thuế suất GTGT: **5%** | | | | Tiền thuế GTGT: | **294.286** |
| | | | | Tổng cộng tiền thanh toán: | **6.180.000** |

Số tiền viết bằng chữ: *Sáu triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.*

| **Người mua hàng** | **Người bán hàng** | **Thủ trưởng đơn vị** |
|---|---|---|
| (Ký, ghi rõ họ tên) | (Ký, ghi rõ họ tên) | (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.17: Phiếu chi số 23/10.**

**Đơn vị:** CT CPTM Minh Khai
**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, HP

**Mẫu số 02 – TT**
(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

*Ngày 8 tháng 12 năm 2016*

Quyển số: 10
Số: 23/10

Nợ: 641, 133
Có: 1111

Họ và tên người nhận tiền: Lê Thanh Huyền

Địa chỉ: Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1.

Lý do: Chi phí kiểm định + thử mẫu gạo

Số tiền: 6.180.000

(Viết bằng chữ): Sáu triệu một trăm tám mươi nghìn đồng.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu triệu một trăm tám mươi nghìn đồng.

*Ngày 8 tháng 12 năm 2016*

| **Giám đốc** | **Kế toán trưởng** | **Người nhận tiền** | **Người lập phiếu** | **Thủ quỹ** |
|---|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên, đóng dấu)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**** Ví dụ minh họa 2:*** Ngày 9/12/2016 Chi tiền mua văn phòng phẩm.

*Định khoản:*

Nợ TK 642: 1.120.000

Nợ TK 133: 112.000

Có TK 111: 1.232.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0002605 (Biểu 2.18) và phiếu chi số 24/10 (Biểu 2.19), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chứng từ mở cho TK 642 (Biểu 2.24)

**Biểu 2.18: Hóa đơn GTGT HĐ 0002605.**

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
Liên 2: Giao khách hàng
*Ngày **9** tháng **12** năm **2016***

Mẫu số: 01
GTKT3/001
Ký hiệu: AA/15P
Số: 0002605

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần văn phòng phẩm Hoàng Mai.
Mã số thuế: 0201063923
Địa chỉ: 33/383 Phủ Thượng Đoạn, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng
Điện thoại: 0932297499
Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai**
Địa chỉ: **Số 23 Minh Khai, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng.**
Mã số thuế: **0200585677**
Hình thức thanh toán: **Tiền mặt** Số TK:

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| **1** | **Giấy in Double A80** | **Thùng** | **3** | **360.000** | **1.080.000** |
| **2** | **Kẹp acco sắt** | **Hộp** | **2** | **20.000** | **40.000** |
| | | | | | |
| | | | | Cộng tiền hàng: | **1.120.000** |
| Thuế suất GTGT: **10%** | | | | Tiền thuế GTGT: | **112.000** |
| | | | | Tổng cộng tiền thanh toán: | **1.232.000** |

Số tiền viết bằng chữ: ***Một triệu hai trăm ba mươi hai ngàn đồng.***

| **Người mua hàng** | **Người bán hàng** | **Thủ trưởng đơn vị** |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, đóng dấu, họ tên) |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.19: Phiếu chi số 24/10.**

**Đơn vị:** CT CPTM Minh Khai
**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, HP

**Mẫu số 02 – TT**
(Ban hành theo TT số 200/2014/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

*Ngày 9 tháng 12 năm 2016*

Quyển số: 10
Số: 24/10

Nợ: 642, 133
Có: 1111

Họ và tên người nhận tiền: Đỗ Thị Quyên.

Địa chỉ: Công ty Cổ phần văn phòng phẩm Hoàng Mai.

Lý do: Chi mua văn phòng phẩm

Số tiền: 1.232.000

(Viết bằng chữ): Một triệu hai trăm ba mươi hai ngàn đồng.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu hai trăm ba mươi hai ngàn đồng.

*Ngày 9 tháng 12 năm 2016*

| **Giám đốc** | **Kế toán trưởng** | **Người nhận tiền** | **Người lập phiếu** | **Thủ quỹ** |
|---|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên, đóng dấu)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai).*

**** Ví dụ minh họa 3:*** Ngày 31/12/2016: Công ty tính khấu hao tháng 12, từ đó lập Bảng phân bổ khấu hao (Biểu 2.20). Sau đó, kế toán ghi vào Nhật ký chứng từ mở cho TK 641, 642 (Biểu 2.22; Biểu 2.24).

**Biểu 2.20: Bảng phân bổ khấu hao.**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.
Địa chỉ: 23 Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.

Mẫu số: 06 – TSCĐ
(Ban hàng theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

**BẢNG PHÂN BỔ KHẤU HAO**

**Tháng 12 năm 2016**

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | Chỉ tiêu | Thời gian sử dụng | Toàn doanh nghiệp | | TK 641 | TK 641 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nguyên giá | Số khấu hao | | |
| 1 | Số khấu hao trích tháng trước | | 35.284.679.878 | 255.373.494 | 170.373.494 | 85.000.000 |
| 2 | Số khấu hao tăng tháng này | | - | - | - | - |
| 3 | Số khấu hao giảm tháng này | | - | - | - | - |
| 4 | Số khấu hao trích tháng này | | 35.284.679.878 | 255.373.494 | 170.373.494 | 85.000.000 |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**** Ví dụ minh họa 4:*** Ngày 31/12/2016: Công ty tính lương phải trả tháng 12 cho cán bộ công nhân viên, từ đó lập Bảng phân bổ tiền lương và trích theo lương ( Biểu 2.21). Sau đó, kế toán ghi vào Nhật ký chứng từ mở cho TK 641, 642 (Biểu 2.22; Biểu 2.24).

**Biểu 2.21: Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.
Địa chỉ: 23 Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.

Mẫu số: 11 – LĐTL
(Ban hàng theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

**TRÍCH BẢNG PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI**
**Tháng 12 năm 2016**

Đơn vị tính: VNĐ

| TK ghi có / TK ghi nợ | Ghi có 334 | Lương tính BH | Ghi có TK 338 | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Người sử dụng lao động chịu | | | | | Người lao động chịu | | | | Cộng có TK 338 |
| | | | BHXH | BHYT | BHTN | KPCĐ | Cộng | BHXH | BHYT | BHTN | Cộng | |
| | | | 18% | 3% | 1% | 2% | | 8% | 1.5% | 1% | | |
| TK 641 | 948.364.138 | 681.590.000 | 122.686.200 | 20.447.700 | 6.815.900 | 13.631.800 | 163.581.600 | | | | | 163.581.600 |
| TK 642 | 399.182.069 | 131.075.000 | 23.593.500 | 3.932.250 | 1.310.750 | 2.621.500 | 31.458.000 | | | | | 31.458.000 |
| TK 334 | | | | | | | | 65.013.200 | 12.189.975 | 8.126.650 | 85.329.825 | 85.329.825 |
| **Cộng** | **1.347.546.207** | **812.665.000** | **146.279.700** | **24.379.950** | **8.126.650** | **16.253.300** | **195.039.600** | **65.013.200** | **12.189.975** | **8.126.650** | **85.329.825** | **280.369.425** |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.22: Nhật ký chứng từ mở cho TK 641**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

Địa chỉ: 23 Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ**
**TK 641**
**Năm 2016**

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi Nợ TK 641, ghi Có TK sau | | | | | | Ghi Có TK 641, ghi Nợ TK | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | NT | | TK 111 | TK 214 | TK 334 | TK 338 | ... | Cộng nợ TK 632 | TK 911 | Cộng có TK 632 |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | | | | .... | ..... | | |
| 09/12 | PC24/10 HĐ2605 | 09/12 | Chi mua văn phòng phẩm | 1.120.000 | | | | | 1.120.000 | | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | | | | .... | ..... | | |
| 31/12 | BPBLT12 | 31/12 | Trả lương nhân viên bán hàng | | | 948.364.138 | | | 948.364.138 | | |
| 31/12 | BPBLT12 | 31/12 | Tính các khoản trích theo lương | | | | 163.581.600 | | 163.581.600 | | |
| 31/12 | BKHT12 | 31/12 | Tính khấu hao tháng 12 | | 170.373.494 | | | | 170.373.494 | | |
| 31/12 | PKT36 | 31/12 | Kết chuyển chi phí bán hàng năm 2016 | | | | | | | 20.353.761.030 | 20.353.761.030 |
| | | | **Cộng năm** | **2.936.034.248** | **2.120.373.494** | **10.401.071.934** | **1.962.979.200** | **....** | **20.353.761.030** | **20.353.761.030** | **20.353.761.030** |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chứng từ mở cho TK 641, kế toán tiến hành ghi Sổ cái TK 641 (Biểu 2.23).

**Biểu 2.23: Sổ cái TK 641.**

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai.
**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng.

**Mẫu số S05-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| **Số dư đầu kỳ** | |
|---|---|
| Nợ | Có |
| | |

**SỔ CÁI**
**Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng**
**Năm 2016**

| **Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này** | **Tổng cả năm** |
|---|---|
| 111 | 2.936.034.248 |
| 112 | 4.724.847.158 |
| 214 | 2.120.373.494 |
| 334 | 10.401.071.934 |
| 338 | 1.962.979.200 |
| ..... | ……. |
| **Cộng phát sinh Nợ** | **20.353.761.030** |
| **Cộng phát sinh Có** | **20.353.761.030** |
| **Dư Nợ** | |
| **Dư Có** | |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.24: Nhật ký chứng từ mở cho TK 642**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

Địa chỉ: 23 Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ**

**TK 642**

**Năm 2016**

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi Nợ TK 642, ghi Có TK sau | | | | | | Ghi Có TK642, ghi Nợ TK | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | NT | | TK 111 | TK 214 | TK 334 | TK 338 | ... | Cộng nợ TK 632 | TK 911 | Cộng có TK 632 |
| 08/12 | PC23/10 HĐ850 | 08/12 | Chi phí kiểm định + thử mẫu gạo | 5.885.714 | | | | | 5.885.714 | | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | | | ..... | .... | ..... | | |
| 31/12 | BPBLT12 | 31/12 | Trả lương nhân viên văn phòng | | | 399.182.096 | | | 399.182.096 | | |
| | | | Tính các khoản trích theo lương | | | | 31.458.000 | | 31.458.000 | | |
| 31/12 | BKHT12 | 31/12 | Tính khấu hao tháng 12 | | 85.000.000 | | | | 85.000.000 | | |
| 31/12 | PKT36 | 31/12 | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp | | | | | | | 6.026.765.828 | 6.026.765.828 |
| | | | **Cộng năm** | **1.799.471.925** | **1.135.000.000** | **2.075.536.617** | **377.496.000** | **....** | **6.026.765.828** | **6.026.765.828** | **6.026.765.828** |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chứng từ mở cho TK 642, kế toán tiến hành ghi Sổ cái TK 642 (Biểu 2.25).

**Biểu 2.25: Sổ cái TK 642.**

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai.
**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng.

**Mẫu số S05-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Số dư đầu kỳ | |
|---|---|
| Nợ | Có |
| | |

**SỔ CÁI**
**Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**
**Năm 2016**

| Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này | Tổng cả năm |
|---|---|
| 111 | 1.799.471.925 |
| 214 | 1.135.000.000 |
| 334 | 2.075.536.617 |
| 338 | 377.496.000 |
| ..... | ……. |
| **Cộng phát sinh Nợ** | **6.026.765.828** |
| **Cộng phát sinh Có** | **6.026.765.828** |
| **Dư Nợ** | |
| **Dư Có** | |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

### 2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Minh Khai.

Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo Có, giấy báo Nợ.
- Bảng sao kê tài khoản khách hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

Sổ kế toán sử dụng:

- Nhật ký chứng từ mở cho TK 515, 635.
- Sổ cái TK 515, 635.

**** Ví dụ minh họa 1:***

Ngày 22/12/2016 Công ty trả lãi vay cho Ngân hàng TMCP Công thương Hải Phòng theo giấp báo Nợ số 09835 (Biểu 2.26).

*Định khoản:*

Nợ TK 635: 18.629.511

Có TK 112: 18.629.511

Căn cứ vào giấy báo Nợ, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chứng từ mở cho TK 635 (Biểu 2.27).

**Biểu 2.26: Giấy báo nợ của ngân hàng Công thương Hải Phòng.**

NH TMCP Công thương
CN Hải Phòng

# GIẤY BÁO NỢ

Ngày 22/12/2016

Mã GDV: BTTA
Số GD: 09835
Giờ: 14:25:27

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

Mã số thuế: 0200585677

Ngân hàng TMCP Công thương xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi Nợ với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 102010000201669

Số tiền bằng số: 18.629.511

Số tiền bằng chữ: Mười tám triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn năm trăm mười một đồng.

Nội dung: Trả lãi vay ngân hàng.

**GIAO DỊCH VIÊN** **KIỂM SOÁT**

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.27: Nhật ký chứng từ mở cho TK 635.**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.
Địa chỉ: 23 Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ**
**TK 635**
**Năm 2016**

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi Nợ TK 635, ghi Có TK sau | | Ghi Có TK 635, ghi Nợ TK sau | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | NT | | TK 112 | Cộng nợ TK 635 | TK 911 | Cộng có TK 635 |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | | |
| 22/12 | GBN09835 | 22/12 | Trả lãi vay ngân hàng Vietinbank | 18.629.511 | 18.629.511 | | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | | |
| 31/12 | PKT36 | 31/12 | Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính năm 2016 | | | 3.695.210.235 | 3.695.210.235 |
| | | | **Cộng năm** | **3.695.210.235** | **3.695.210.235** | **3.695.210.235** | **3.695.210.235** |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chứng từ mở cho TK 635, kế toán tiến hành ghi Sổ cái TK 635 (Biểu 2.28).

**Biểu 2.28: Sổ cái TK 635.**

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai. **Mẫu số S05-DN**

**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng. (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**
**Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính**
**Năm 2016**

| **Số dư đầu kỳ** | |
|---|---|
| Nợ | Có |
| | |

| **Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này** | **Tổng cả năm** |
|---|---|
| 112 | 3.695.210.235 |
| | |
| **Cộng phát sinh Nợ** | **3.695.210.235** |
| **Cộng phát sinh Có** | **3.695.210.235** |
| **Dư Nợ** | |
| **Dư Có** | |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**** Ví dụ minh họa 2:*** Ngày 31/12/2016 Nhận được lãi tiền gửi Ngân hàng TMCP Công thương Hải Phòng.

*Định khoản:*

Nợ TK 112: 1.377.357

Có TK 515: 1.377.357

Căn cứ vào giấy báo Có số 15785 (Biểu 2.29), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chứng từ mở cho TK 515 (Biểu 2.30).

**Biểu 2.29: Giấy báo có của ngân hàng Công thương Hải Phòng.**

VietinBank

NH TMCP Công thương
CN Hải Phòng

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 31/12/2016

Mã GDV: BTTA
Số GD: 15785
Giờ: 14:25:02

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

Mã số thuế: 0200585677

Ngân hàng TMCP Công thương xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi Có với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 102010000201669

Số tiền bằng số: 1.377.357

Số tiền bằng chữ: Một triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn ba trăm năm mươi bảy đồng.

Nội dung: Lãi tiền gửi.

**GIAO DỊCH VIÊN** **KIỂM SOÁT**

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.30: Nhật ký chứng từ mở cho TK 515.**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.
Địa chỉ: 23 Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ**
**TK 515**
**Tháng 12/2016**

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi Nợ TK 515, ghi Có TK sau | | Ghi Có TK 515, ghi Nợ TK sau | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | NT | | TK 911 | Cộng nợ TK 511 | TK 112 | Cộng có TK 511 |
| ..... | ..... | ..... | ..... | | | ..... | ..... |
| 31/12 | GBC15785 | 31/12 | Nhận lãi tiền gửi ngân hàng Vietinbank | | | 1.377.357 | 1.377.357 |
| 31/12 | PKT35 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính năm 2016 | 368.165.069 | 368.165.069 | | |
| | | | **Cộng năm** | **368.165.069** | **368.165.069** | **368.165.069** | **368.165.069** |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chứng từ mở cho TK 515, kế toán tiến hành ghi Sổ cái TK 515 (Biểu 2.31).

**Biểu 2.31: Sổ cái TK 515.**

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai. **Mẫu số S05-DN**

**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng. (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

**Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

**Năm 2016**

| **Số dư đầu kỳ** | |
|---|---|
| Nợ | Có |
| | |

| **Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này** | **Tổng cả năm** |
|---|---|
| 911 | 368.165.069 |
| | |
| **Cộng phát sinh Nợ** | **368.165.069** |
| **Cộng phát sinh Có** | **368.165.069** |
| **Dư Nợ** | |
| **Dư Có** | |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

### 2.2.3. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

Trong năm 2016, doanh nghiệp không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí hoạt động khác.

### 2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán.

Sổ kế toán sử dụng:

- Nhật ký chứng từ mở cho TK 911, 421, 821.
- Sổ cái TK 821, 911, 421.

Tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, cuối tháng 12, kế toán tổng hợp số liệu, lập phiếu kế toán số 35 (Biểu 2.32) để kết chuyển doanh thu, thu nhập và hạch toán bút toán kết chuyển.

Kế toán lập phiếu kế toán số 36 (Biểu 2.33) để kết chuyển chi phí và hạch toán bút toán kết chuyển.

**Biểu 2.32: Phiếu kế toán số 35**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai

Địa chỉ: 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng.

## PHIẾU KẾ TOÁN

**Số 35**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Kết chuyển doanh thu bán hàng | 511 | 911 | 344.160.257.751 |
| 2 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515 | 911 | 368.165.069 |
| | **Cộng** | | | **344.528.422.820** |

**Người lập** **Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)*

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.33: Phiếu kế toán số 36**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai

Địa chỉ: 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng.

## PHIẾU KẾ TOÁN

**Số 36**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Kết chuyển giá vốn bán hàng | 911 | 632 | 304.158.910.806 |
| 2 | Kết chuyển chi phí bán hàng | 911 | 641 | 20.353.761.030 |
| 3 | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp | 911 | 642 | 6.026.765.828 |
| 4 | Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính | 911 | 635 | 3.695.210.235 |
| | **Cộng** | | | **334.234.647.899** |

**Người lập** **Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)*

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 35 và 36, kế toán ghi vào Nhật ký chứng từ mở cho TK 911 (Biểu 2.37).

Dựa trên Nhật lý chứng từ mở cho TK 911, kế toán lập Phiếu kế toán số 37 để xác định thuế TNDN phải nộp (Biểu 2.34).

**Biểu 2.34: Phiếu kế toán số 37**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai

Địa chỉ: 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng.

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số 37**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Thuế TNDN phải nộp năm 2016 | 821 | 3334 | 2.058.754.984 |
| | **Cộng** | | | **2.058.754.984** |

**Người lập** **Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)*

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 37, kế toán ghi vào Nhật ký chứng từ mở cho TK 821 (Biểu 2.38), rồi căn cứ vào đó kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán số 38 để kết chuyển chi phí thuế TNDN (Biểu 2.35).

**Biểu 2.35: Phiếu kế toán số 38**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai

Địa chỉ: 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng.

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số 38**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 911 | 821 | 2.058.754.984 |
| | **Cộng** | | | **2.058.754.984** |

**Người lập** **Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)*

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 38, kế toán ghi vào nhật ký chứng từ mở cho TK 821 (Biểu 2.38), TK 911 (Biểu 2.37).

Căn cứ vào Nhật ký chứng từ mở cho TK 911, kế toán lập Phiếu kế toán số 39 để kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN (Biểu 2.36).

**Biểu 2.36: Phiếu kế toán số 39**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai

Địa chỉ: 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng.

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số 39**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2016 | 911 | 421 | 8.235.019.937 |
| | **Cộng** | | | **8.235.019.937** |

**Người lập** **Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)*

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 39, kế toán ghi vào Nhật ký chứng từ mở cho TK 911, TK 421 (Biểu 2.39).

Căn cứ vào các Nhật ký chứng từ liên quan, kế toán tiến hành ghi Sổ cái TK 911 (Biểu 2.40), TK 821 (Biểu 2.41), TK 421 (Biểu 2.42).

**Biểu 2.37: Nhật ký chứng từ mở cho TK 911.**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

Địa chỉ: 23 Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ**

**TK 911**

**Năm 2016**

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi Nợ TK 911, ghi Có TK sau | | | | | | | Ghi Có TK 911, ghi Nợ TK sau | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | NT | | TK 632 | TK 635 | TK 641 | TK 642 | TK 821 | TK 421 | Cộng nợ TK 911 | TK 511 | TK 515 | Cộng có TK 911 |
| 31/12 | PKT35 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu, thu nhập | | | | | | | | 344.160.257.751 | 368.165.069 | 344.528.422.820 |
| 31/12 | PKT36 | 31/12 | Kết chuyển chi phí kinh doanh | 304.158.910.806 | 3.695.210.235 | 20.353.761.030 | 6.026.765.828 | | | 334.234.647.899 | | | |
| 31/12 | PKT38 | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | | | | | 2.058.754.984 | | 2.058.754.984 | | | |
| 31/12 | PKT39 | 31/12 | Kết chuyển lợi nhuận sau thuế | | | | | | 8.235.019.937 | 8.235.019.937 | | | |
| | | | **Cộng năm** | **304.158.910.806** | **3.695.210.235** | **20.353.761.030** | **6.026.765.828** | **2.058.754.984** | **8.235.019.937** | **344.528.422.820** | **344.160.257.751** | **368.165.069** | **344.528.422.820** |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.38: Nhật ký chứng từ mở cho TK 821.**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.
Địa chỉ: 23 Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ**
**TK 821**
**Năm 2016**

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi Nợ TK 821, ghi Có TK sau | | Ghi Có TK 821, ghi Nợ TK sau | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | NT | | TK 3334 | Cộng nợ TK 821 | TK 911 | Cộng có TK 821 |
| 31/12 | PKT37 | 31/12 | Thuế TNDN phải nộp | 2.058.754.984 | 2.058.754.984 | | |
| 31/12 | PKT38 | 31/12 | Kết chuyển thuế TNDN phải nộp | | | 2.058.754.984 | 2.058.754.984 |
| | | | **Cộng năm** | **2.058.754.984** | **2.058.754.984** | **2.058.754.984** | **2.058.754.984** |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.39: Nhật ký chứng từ mở cho TK 421.**

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

Địa chỉ: 23 Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ**

**TK 421**

**Tháng 12/2016**

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Dư đầu kỳ | Ghi Nợ TK 421, ghi Có TK | | | Ghi Có TK 421, ghi Nợ TK sau | | Dư cuối kỳ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | NT | | | TK 111 | TK 112 | Cộng nợ | TK 911 | Cộng có | |
| | | | | 0 | | | | | | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | | ..... | ..... | ..... | | | |
| 31/12 | PKT39 | 31/12 | Kết chuyển lợi nhuận sau thuế | | | | | 8.235.019.937 | 8.235.019.937 | |
| | | | **Cộng năm** | **0** | **2.051.568.647** | **924.965.000** | **2.976.533.647** | **8.235.019.937** | **8.235.019.937** | **5.258.486.290** |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.40: Sổ cái TK 911.**

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai.
**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng.

**Mẫu số S05-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**
**Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**
**Năm 2016**

| **Số dư đầu kỳ** | |
|---|---|
| Nợ | Có |
| | |

| **Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này** | **Tổng cả năm** |
|---|---|
| 421 | 8.235.019.937 |
| 632 | 304.158.910.806 |
| 635 | 3.695.210.235 |
| 641 | 20.353.761.030 |
| 642 | 6.026.765.828 |
| 821 | 2.058.754.984 |
| | |
| **Cộng phát sinh Nợ** | **344.748.669.409** |
| **Cộng phát sinh Có** | **344.748.669.409** |
| **Dư Nợ** | |
| **Dư Có** | |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.41: Sổ cái TK 821.**

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai. **Mẫu số S05-DN**

**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng. (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

**Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

**Năm 2016**

| **Số dư đầu kỳ** | |
|---|---|
| Nợ | Có |
| | |

| **Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này** | **Tổng cả năm** |
|---|---|
| 3334 | 2.058.754.984 |
| | |
| **Cộng phát sinh Nợ** | **2.058.754.984** |
| **Cộng phát sinh Có** | **2.058.754.984** |
| **Dư Nợ** | |
| **Dư Có** | |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

**Biểu 2.42: Sổ cái TK 421.**

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai. **Mẫu số S05-DN**

**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng. (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

**Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay**

**Năm 2016**

| **Số dư đầu kỳ** | |
|---|---|
| Nợ | Có |
| | 0 |

| **Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này** | **Tổng cả năm** |
|---|---|
| 111 | 2.051.568.647 |
| 112 | 924.965.000 |
| | |
| **Cộng phát sinh Nợ** | **2.976.533.647** |
| **Cộng phát sinh Có** | **8.235.019.937** |
| **Dư Nợ** | |
| **Dư Có** | **5.258.486.290** |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

Căn cứ vào các NKCT, Sổ cái TK 511, 632,... kế toán lập Báo cáo KQKD như:

**Biểu 2.43: Bảng báo cáo kết quả kinh doanh.**

**CÔNG TY CPTM MINH KHAI** **Mẫu số BO2 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
## Năm 2016

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 344.160.257.751 | 290.814.004.914 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 0 | 0 |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 344.160.257.751 | 290.814.004.914 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | 304.158.910.806 | 260.104.227.854 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 40.001.346.945 | 30.709.777.060 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 368.165.069 | 237.102.251 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 3.695.210.235 | 3.222.419.727 |
| Trong đó: lãi vay phải trả | 23 | | 3.695.210.235 | 3.222.419.727 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 20.353.761.030 | 17.535.167.301 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 6.026.765.828 | 4.688.460.910 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 30 | | 10.293.774.921 | 5.500.460.910 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 0 | 0 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 0 | 0 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 0 | 0 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 10.293.774.921 | 5.500.460.910 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | 2.058.754.984 | 1.100.092.182 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | 0 | 0 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 8.235.019.937 | 4.400.368.728 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 0 | 0 |

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai)*

# CHƯƠNG 3

# MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

## 3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty CPTM Minh Khai.

### 3.1.1. Ưu điểm.

- ***Về công tác tổ chức bộ máy kế toán:***

- Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai theo mô hình kế toán tập trung, phù hợp với đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh của công ty. Với hình thức này toàn bộ công việc kế toán đều được thực hiện tại phòng Kế toán – Tài vụ, đảm bảo cho sự tập trung, thống nhất và chặt chẽ trong việc chỉ đạo công tác, kịp thời cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, nhanh chóng đáp ứng cho hoạt động kinh doanh của công ty.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán, công việc được phân công rõ ràng, mỗi kế toán viên đều có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng đảm bảo sự chuyên môn hóa nhưng vẫn phối hợp một cách chặt chẽ.

- Đội ngũ nhân viên kế toán năng động, nhiệt tình, có kinh nghiệm chuyên sâu và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, luôn cập nhập kịp thời thông tin, sự thay đổi của các chuẩn mực kế toán.

- ***Về công tác hạch toán:***

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên giúp cho việc kiểm soát, theo dõi chi tiết được quá trình nhập – xuất – tồn hàng hóa dễ dàng đối với công ty kinh doanh nhiều chủng loại hàng hóa khác nhau, các nghiệp vụ kinh kế phát sinh liên quan đến hàng hóa là chủ yếu như Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

- ***Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:***

- Công ty đã áp dụng đầy đủ chế độ tài chính, kế toán của Bộ tài chính ban hành. Chứng từ được kiểm tra, giám sát chặt chẽ, hoàn chỉnh và xử lý kịp thời.

Bên cạnh đó, các chứng từ cũng được phân loại, hệ thống hóa tương đối tốt theo các nghiệp vụ, trình tự thời gian trước khi lưu trữ. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi đầy đủ, chính xác, đều đặn hàng ngày vào chứng từ, sổ sách.

### 3.1.2. Hạn chế.

- ***Về việc ứng dụng công nghệ thông tin:***

Tại Công ty CPTM Minh Khai, dù đã trang bị đầy đủ máy vi tính cho từng kế toán viên, nhưng mới chỉ dừng lại ở việc để lưu trữ, hạch toán số liệu trên phần mềm thông thường như Excel, Word mà chưa áp dụng hệ thống phần mềm kế toán để quản lý. Như vậy dẫn đến việc cập nhập dữ liệu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chưa được nhanh , việc quản lý doanh thu, chi phí còn chậm.

- ***Về hình thức kế toán áp dụng:***

Công ty hiện đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc ghi chép sổ sách theo hình thức này khiến sổ sách trở nên phức tạp, số lượng sổ sử dụng nhiều, đồng thời khó ứng dụng máy vi tính.

- ***Về chính sách khuyến mại:***

Công ty có hệ thống các cửa hàng trong siêu thị nhưng vẫn chưa áp dụng các hoạt động khuyến mại nhằm khuyến khích người mua, kích cầu mua bán, đẩy nhanh việc tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp.

- ***Về trích các khoản theo lương cho người lao động.***

Tại công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, cách thức trích các khoản theo lương hiện tại dựa trên mức lương tối thiểu vùng cho tất cả cán bộ nhân viên. Đây là cách làm chưa hợp lý, chưa phù hợp với quy định mới ban hành của luật lao động, bên cạnh đó cũng ảnh hưởng đến quyền lợi, phúc lợi xã hội hay lương hưu trí của cán bộ nhân viên, từ đó ảnh hưởng phần nào đến giá trị an sinh lâu dài cho xã hội.

- ***Về hệ thống sổ sách của công ty:***

Việc tập hợp và hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM Minh Khai tương đối hoàn chỉnh, song vẫn còn hạn chế trong việc chưa mở sổ chi tiết các tài khoản. Điều này đã gây trở ngại cho việc theo dõi tại công ty, cụ thể đó là:

- *Sổ chi tiết bán hàng:* Việc mở sổ chi tiết bán hàng sẽ giúp cho kế toán theo dõi chi tiết doanh thu, giá vốn và tính toán được lợi nhuận gộp cho từng mặt hàng hóa. Công ty không mở sổ chi tiết bán hàng vì vậy kế toán chỉ có thông tin về tổng doanh thu mà không có thông tin về doanh thu từng mặt hàng.

- *Sổ chi tiết giá vốn hàng bán:* Việc mở sổ này nhằm giúp kế toán theo dõi giá vốn từng mặt hàng bán ra vì công ty có rất nhiều mặt hàng hóa khác nhau. Không mở sổ này khiến kế toán khó theo dõi được giá vốn của từng loại mặt hàng để từ đó đưa ra được những góp ý cho Ban lãnh đạo về việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

- *Sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:* Chi phí là một trong các thông tin mà bất cứ doanh nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực (sản xuất, thương mại, tư vấn, dịch vụ, ...) đều cần để phục vụ cho công tác quản lý như định giá bán sản phẩm, dịch vụ, lập dự toán, kiểm soát chi phí. Thông tin kế toán chi phí càng chi tiết tỷ mỉ càng hữu hiệu cho doanh nghiệp. Nên khi công ty không mở sổ theo dõi các khoản chi phí sẽ gây khó khăn cho các nhà quản lý công ty trong việc quản lý, hoạch định và kiểm soát chi phí tại doanh nghiệp.

### 3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Đất nước ta đang đổi mới và hội nhập, sự cạnh tranh trên thương trường ngày càng khốc liệt, để tồn tại và phát triển doanh nghiệp phải không ngừng nỗ lực, quản lý tốt doanh thu, chi phí, mong muốn đạt được lợi nhuận cao nhất. Các nhà quản lý phải sáng suốt trong việc lựa chọn các quyết định kinh doanh, nắm bắt được cơ hội phát triển. Và kế toán là một công cụ giúp việc tìm hiểu và phân tích tình hình doanh nghiệp, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính một cách hữu hiệu, mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí, nhất là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai vẫn chưa hoàn thiện, còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy được hiệu quả cao nhất. Vì vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán tại doanh nghiệp là rất cần

thiết để nâng cao hiệu quả của công tác kế toán, tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh, theo kịp sự biến động của nền kinh tế thị trường.

### 3.3. Quan điểm, nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Vì đặc điểm cũng như quy mô kinh doanh của mỗi doanh nghiệp là khác nhau, cho nên, mỗi doanh nghiệp phải tự lựa chọn một mô hình kế toán phù hợp nhằm phát huy tối đa năng lực kinh doanh, đem lại hiệu quả cao nhất. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, phù hợp với thông tư, nghị định, chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt, không dập khuôn máy móc nhưng cũng chỉ được sáng tạo trong chừng mực nhất định.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình, nhưng cũng góp phần làm cho công tác kế toán trở nên đơn giản, giảm bớt khối lượng công việc nhưng phải hiệu quả. Do vậy, doanh nghiệp phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo nhưng vẫn đảm bảo phù hợp chế độ, phù hợp với trình độ và năng lực của đội ngũ nhân viên phòng kế toán.
- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin đầy đủ, kịp thời, chuẩn xác, cần thiết với yêu cầu quản lý để kịp thời đưa ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp, bắt kịp với sự phát triển của thị trường kinh tế.
- Hoàn thiện phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm mà hiệu quả, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

### 3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Dựa trên những mặt hạn chế đã nêu ra, với kiến thức ít ỏi của một sinh viên, em xin mạnh dạn đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai như sau:

### *3.4.1. Kiến nghị 1: Hạch toán doanh thu - chi phí.*

- *Lý do kiến nghị:* Công tác kế toán tại Công ty CPTM Minh Khai chưa mở sổ chi tiết doanh thu, chi phí cho từng mặt hàng.
- *Mục tiêu của giải pháp:* Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý cụ thể, chi tiết hàng hóa, theo dõi được doanh thu, chi phí cũng như xác định được lợi nhuận mà từng mặt hàng đem lại để từ đó đưa ra những quyết định nên mở rộng, thu hẹp hay ngừng kinh doanh mặt hàng nào.
- *Cách thức tiến hành:* Công ty nên thực hiện bổ sung thêm:

- Sổ chi tiết bán hàng (Biểu 3.1).
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu 3.2)

**Biểu 3.1: Mẫu sổ chi tiết bán hàng.**

**Đơn vị:**
**Địa chỉ:**

**Mẫu số S35-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Tháng..... Năm.....

Quyển số:.....

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Doanh thu | | | Các khoản giảm trừ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Thuế | Khác (521) |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | | | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh<br>- Doanh thu thuần<br>- Giá vốn hàng bán<br>- Lãi gộp | | | | | | |

Sổ này có ..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

Ngày mở sổ:.....

*Ngày ..... tháng ..... năm.....*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**Biểu 3.2: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh.**

**Đơn vị:**
**Địa chỉ:**

**Mẫu số S36-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

(Dùng cho các TK 641, 642, 632, ....)

- Tên tài khoản:
- Tên phân xưởng:
- Tên sản phẩm, dịch vụ:

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Ghi Nợ tài khoản..... | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổng số tiền | Chia ra | | | | | | |
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| | | | - Số dư đầu kỳ<br>- Số phát sinh trong kỳ | | | | | | | | | |
| | | | - Cộng số phát sinh trong kỳ<br>- Ghi có TK ...<br>- Số dư cuối kỳ | | | | | | | | | |

Sổ này có ..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
Ngày mở sổ:.....

*Ngày ..... tháng ..... năm.....*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

*** Ví dụ minh họa:**

- Lấy ví 1 ở phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0011597 ngày 01/12/2016 xuất bán 99.770 kg gạo tẻ trắng cho Công ty TNHH TM & DV Đông Phương, kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 511 (Biểu 3.3).

Căn cứ vào PXK 02/12, kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 632 (Biểu 3.4).

- Lấy ví dụ 2 ở phần chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

Căn cứ vào hóa đơn số 0002605 và phiếu chi số 24/10 ngày 09/12/2016 chi mua văn phòng phẩm , kế toán ghi sổ chi tiết TK 642 (Biểu 3.5)

**Biểu 3.3: Sổ chi tiết bán hàng.**

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai
**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, Hồng Bàng, HP

**Mẫu số S35-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Gạo tẻ trắng
Tháng 12 Năm 2016

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Doanh thu | | | Các khoản tính trừ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Thuế | Khác (521) |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 01/12 | HĐ11597 | 01/12 | Bán gạo tẻ trắng | 131 | 99.770 | 8.950 | 892.941.500 | | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | | |
| | | | Cộng số phát sinh<br>- Doanh thu thuần<br>- Giá vốn hàng bán<br>- Lãi gộp | | | | | | |

*Ngày ..... tháng ..... năm.....*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**Biểu 3.4: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh.**

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai
**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, Hồng Bàng, HP

**Mẫu số S36-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

**Tên khoản: 632**
**Tên sản phẩm, dịch vụ: Gạo tẻ trắng**
**Tháng 12 năm 2016**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Ghi Nợ tài khoản 632 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổng số tiền | Số lượng | Chia ra | |
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | | | Đơn giá | Chi phí thu mua |
| 01/12 | PXK 02/12 | 01/12 | Xuất bán theo HĐ11597 | 156 | 769.226.700 | 99.770 | 7.710 | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | |
| | | | - Cộng số phát sinh trong kỳ<br>- Ghi có TK 632 | | | | | |

*Ngày ..... tháng ..... năm.....*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**Biểu 3.5: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh.**

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai
**Địa chỉ:** 23 Minh Khai, Hồng Bàng, HP

**Mẫu số S36-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

**Tên khoản: 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**
**Tháng 12 năm 2016**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Ghi Nợ tài khoản 642 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổng số tiền | Chia ra | | | |
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | | 6421 | 6422 | .... | 6428 |
| 09/12 | PC24/10 | 09/12 | Chi mua văn phòng phẩm | 1111 | 1.120.000 | | 1.120.000 | | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | | ..... | ..... | ..... | ..... |
| | | | - Cộng số phát sinh trong kỳ<br>- Ghi có TK 642 | | | | | | |

*Ngày ..... tháng ..... năm.....*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

### *3.4.2. Kiến nghị 2: Trích các khoản theo lương cho người lao động căn cứ trích dựa theo lương đã ký trên hợp đồng.*

- *Lý do kiến nghị:* Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai áp dụng cách thức trích các khoản theo lương dựa trên mức lương tối thiểu vùng cho tất cả cán bộ nhân viên. Tuy nhiên đây là cách làm chưa hợp lý. Bởi đa số nhân viên của công ty ngoài mức lương cơ bản theo hợp đồng còn được hưởng lương theo doanh thu sản phẩm, cấp bậc, chức vụ khác nhau.

Nếu áp dụng hình thức trích lương cũ sẽ dẫn đến vấn đề: Cán bộ công nhân viên có mức lương được hưởng cao hơn so với lương tối thiểu vùng, trích bảo hiểm dựa vào lương tối thiểu vùng sẽ ảnh hưởng đến tiền lương hưu trí, phúc lợi xã hội của họ, dù thu nhập cao nhưng phúc lợi được hưởng về sau lại thấp.

- *Mục tiêu của giải pháp:* Đảm bảo quyền lợi thiết thực về sau của nhân viên khi trích các khoản theo lương dựa trên thu nhập thực tế của họ.
- *Cách thức tiến hành:* Trích các khoản theo lương cho người lao động theo quy định mới ban hành của pháp luật lao động như sau:

- Từ 01/01/2016, tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương và phụ cấp lương**.**
- Từ ngày 01/01/2018 trở đi, tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.

### *3.4.3. Kiến nghị 3: Thay đổi hình thức kế toán.*

- *Lý do kiến nghị:* Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ mà Công ty CPTM Minh Khai đang áp dụng khiến cho số lượng sổ sách trở nên nhiều và phức tạp.
- *Mục tiêu giải pháp:* Mẫu sổ sách trở nên đơn giản, gọn nhẹ hơn.
- *Cách thức tiến hành:* Công ty có thể thay đổi mẫu sổ sách sang hình thức Nhật ký chung theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính ban hành. Trình tự ghi sổ doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung như sơ đồ 3.1:

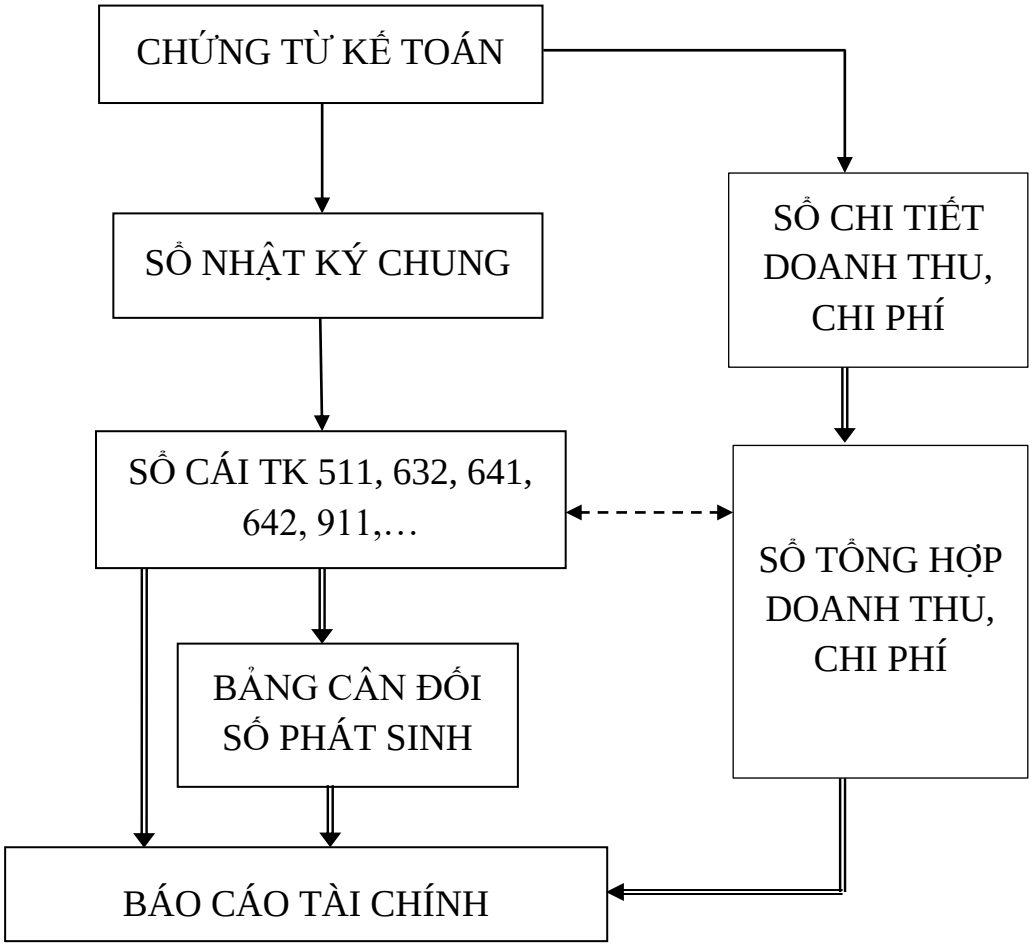


**Trong đó:**

Ghi hàng ngày

Ghi vào cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 3.1: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

- Mẫu sổ Nhật ký chung (Biểu 3.6)
- sổ cái *(theo hình thức Nhật ký chung)* (Biểu 3.7)

**Biểu 3.6: Mẫu sổ Nhật ký chung.**

**Đơn vị:** **Mẫu số S03a-DN**
**Địa chỉ:** (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

# SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng ..... năm .....

Đơn vị tính: .....

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | NT | | | | Nợ | Có |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | Cộng chuyển sang trang sau | | | | |

*Ngày ..... tháng ..... năm.....*

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

**Biểu 3.7: Mẫu Sổ cái theo hình thức nhật ký chung.**

**Đơn vị:** **Mẫu số S03b-DN**
**Địa chỉ:** (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

# SỔ CÁI

Tháng ..... năm .....

Tên tài khoản:.....

Số hiệu: .....

Đơn vị tính: .....

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | NKC | | TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | NT | | Trang | Dòng | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu năm | | | | | |
| | | | Số phát sinh | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | | | | |
| | | | Số dư cuối năm | | | | | |

*Ngày ..... tháng ..... năm.....*

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

### *3.4.4. Kiến nghị 4: Áp dụng phần mềm kế toán.*

▪ *Lý do kiến nghị:* Hiện tại Công ty CPTM Minh Khai vẫn chưa sử dụng phần mềm kế toán, mà đang sử dụng Word, Excel trong công tác kế toán, dẫn đến việc tìm kiếm , quản lý dữ liệu, thực hiện phần hành kế toán mất nhiều thời gian cho công việc của phòng kế toán.

▪ *Mục tiêu giải pháp:* Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời.

▪ *Cách thức tiến hành:* Công ty nên mua phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường như : Misa, Fast, Smart,....

➢ **Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017**

*Giao diện phần mềm:*

*Thông tin phần mềm:*

MISA SME.NET 2017 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp.

MISA SME.NET 2017 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, Dịch vụ, Xây lắp, Sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

*Danh sách gói sản phẩm:*

| Gói sản phẩm | Đơn giá | Mô tả |
|---|---|---|
| Express | Miễn phí | Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm. |
| Starter | 2.950.000 đồng | Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào tối đa là 1.000 chứng từ/năm. |
| Standard | 6.950.000 đồng | Gồm 11 phân hệ, không giới hạn chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng. |
| Professional | 8.950.000 đồng | Gồm 13 phân hệ, không giới hạn chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng. |
| Enterprise | 10.950.000 đồng | Đầy đủ 16 phân hệ, không giới hạn chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng. |

Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần Misa (MISA JSC)
Liên hệ: www.misa.com.vn.

➢ **Phần mềm kế toán Fast Accounting.**

*Giao diện phần mềm:*

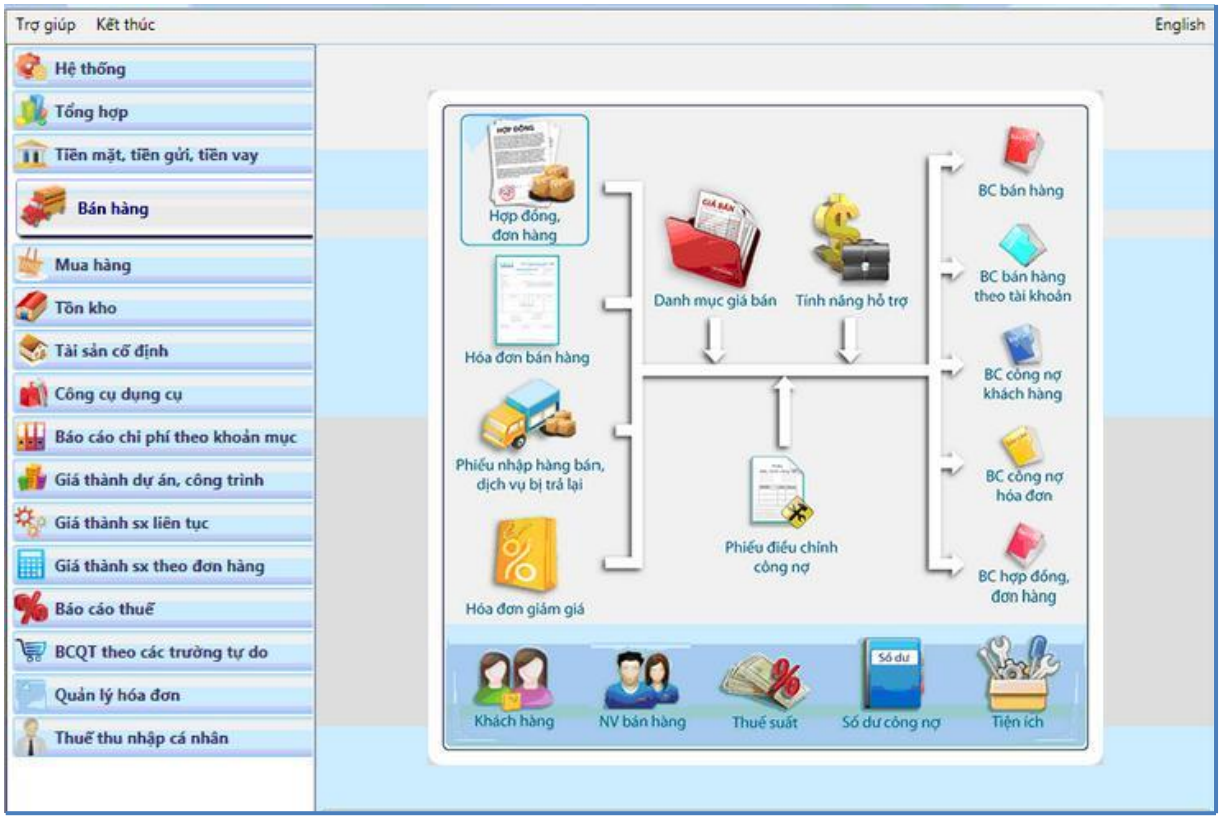


*Thông tin phần mềm:*

Phần mềm kế toán Fast Accounting phát triển từ năm 1997, làm việc qua internet với tốc độ cực nhanh và có thể thực hiện chỉnh sửa theo yêu cầu của từng khách hàng.

Fast Accounting được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet.

Fast Accounting tập trung vào nâng cao tốc độ xử lý khi thực hiện giao dịch, xử lý và tính toán cuối kỳ cũng như lên báo cáo giúp người sử dụng làm việc với tốc độ nhanh nhất.

Fast Accounting có 15 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Có thể hạch toán với mô hình phức tạp như nhiều đơn vị cấp dưới, nhiều bộ phận hạch toán, .....

Luôn được cập nhật các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế, lên các báo cáo tài chính và sổ sách kế toán theo đúng quy định.

*Bảng giá phần mềm và dịch vụ.*

| Loại hình doanh nghiệp | Giá phần mềm | Giá dịch vụ đào tạo, tư vấn | Số buổi (2,5giờ/buổi) |
|---|---|---|---|
| Dịch vụ (13 phân hệ) | 5.900.000 đồng | 2.950.000 đồng | 4 |
| Thương mại (14 phân hệ) | 7.900.000 đồng | 2.950.000 đồng | 4 |
| Xây lắp (14 phân hệ) | 9.900.000 đồng | 2.950.000 đồng | 4 |
| Sản xuất (15 phân hệ) | 11.900.000 đồng | 4.450.000 đồng | 6 |

Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.

Liên hệ: www.fast.com.vn.

- **Phần mềm kế toán Smart Pro 5.0.**

*Giao diện phần mềm:*

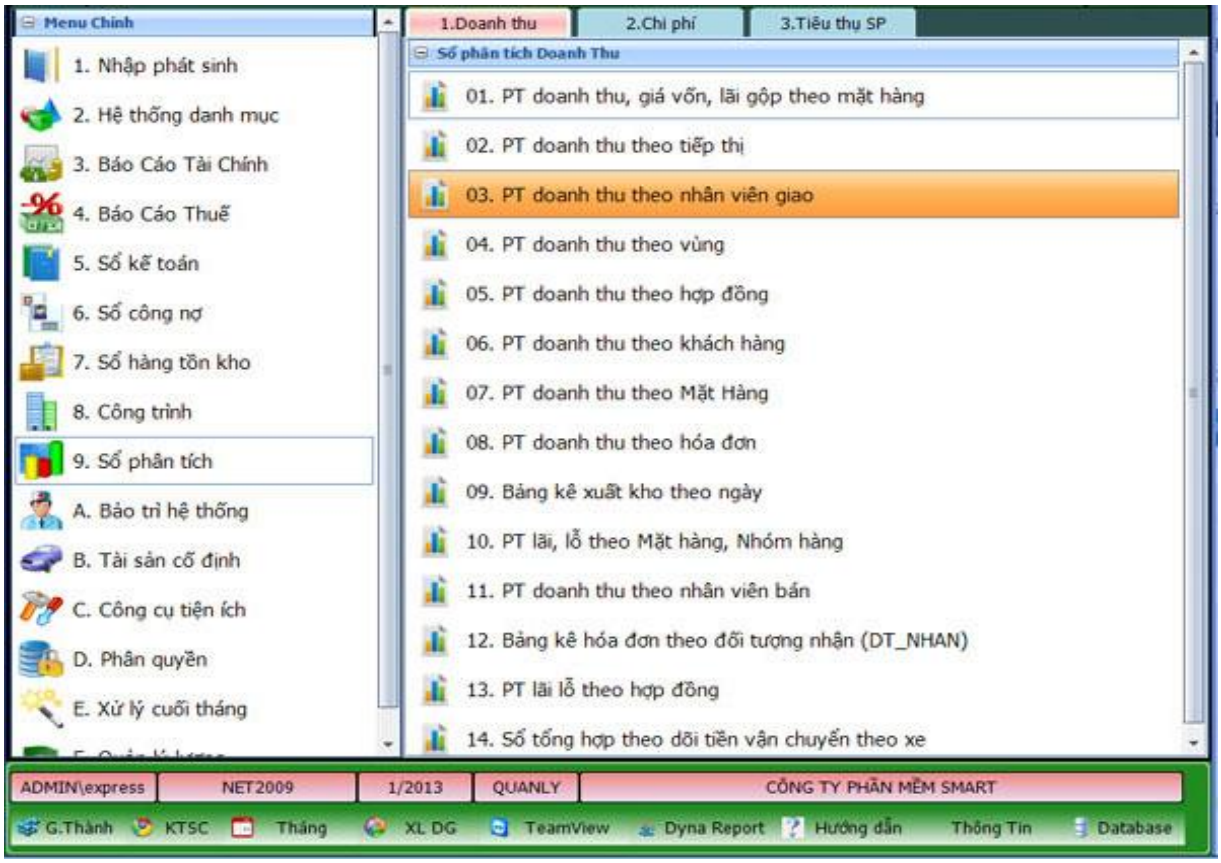


*Thông tin phần mềm:*

Phần mềm này hợp với doanh nghiệp xây dựng, sản xuất, thương mại, dịch vụ, XNK,… phần mềm kế toán SMART còn hỗ trợ cho những cá nhân làm

dịch vụ kế toán với tính năng sử dụng được nhiều công ty trên phần mềm, mỗi công ty là 1 Database độc lập và không hạn chế.

*Ưu điểm:*

- Khả năng sao lưu dữ liệu tự động không bao giờ sợ virus làm hư data.
- Tính giá thành theo nhiều phương pháp: theo định mức, theo tỷ lệ, theo công trình, theo nhiều giai đoạn.
- Tất cả báo cáo được xuất ra Excel được căn chỉnh tự động.
- Quản trị dữ liệu thông minh: Lọc dữ liệu, phân tích dữ liệu mở.
- DevExpress Report động giúp khách hàng tự chỉnh mẫu hóa đơn, báo cáo.
- Đánh giá hàng tồn kho bằng nhiều phương pháp: bình quân gia quyền theo tháng, đích danh; nhập trước xuất trước.
- Dễ sử dụng và nhập dữ liệu cực nhanh.
- Tính ổn định là rất cao.

# KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, mỗi doanh nghiệp cần tạo ra cho mình một hướng đi riêng, với những đường lối, phương hướng hạch toán kinh doanh đúng đắn, hiệu quả để đạt được mục tiêu về lợi nhuận. Và kế toán là một công cụ quan trọng, cần thiết không thể thiếu được trong mỗi doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh. Kế toán vừa là một công cụ quản lý kinh tế vừa là công tác nghiệp vụ hữu hiệu, là một trợ thủ đắc lực cho các nhà hoạch định kinh doanh vạch ra hướng phát triển trong tương lai, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong khoảng thời gian thực tập tại công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, em đã có cơ hội tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty. Quá trình đi sâu tìm hiểu và nghiên cứu về công tác kế toán nói chung và phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đã giúp em đi sâu vào thực tế. Từ đó tạo điều kiện tốt để kết hợp giữa thực tiễn và cơ sở lý thuyết. Mối liên hệ này đã giúp em có những kiến thức bổ ích, nắm bắt yêu cầu thực tiễn, hoàn thiện năng lực và kỹ năng bản thân, và có những hình dung cơ bản về nghề nghiệp của mình trong tương lai.

Thông qua các nội dung đã trình bày ở trên, bài viết đã hoàn thành các nhiệm vụ sau đây:

- Về mặt lý luận: đã hệ thống hóa lại lý thuyết về chế độ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh.
- Về mặt thực tiễn: đã mô tả khá chi tiết thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại Minh Khai *(minh họa bằng số liệu tháng 12 năm 2016),* từ đó chỉ ra hạn chế trong công tác hạch toán. Đó là việc hạch toán sổ sách có nhiều điểm chưa khoa học, chưa quản lý được chi tiết số liệu và chưa thực sự giúp được ban giám đốc trong việc đề ra các biện pháp sử dụng và quản lý kinh doanh hiệu quả hơn.

Trên cơ sở đối chiếu những vấn đề lý luận trong nghiên cứu với thực tế công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại công ty như:

- Kiến nghị về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.
- Kiến nghị về việc trích các khoản theo lương căn cứ trích dựa trên lương đã ký trên hợp đồng.
- Kiến nghị về việc thay đổi hình thức kế toán theo hình thức Nhật ký chung.
- Kiến nghị về việc áp dụng phần mềm kế toán.

Qua quá trình học tập và thực tập tại công ty, em đã học tập và đúc kết được nhiều kinh nghiệm cho bản thân. Tuy nhiên vì hiểu biết, kiến thức em cũng như kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên không tránh khỏi những bỡ ngỡ, thiếu xót. Em rất mong được sự thông cảm và chỉ dẫn của thầy cô, các bác, các cô trong công ty để đề tài được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths.Nguyễn Đức Kiên và các cô bác phòng kế toán tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này!

Em xin chân thành cảm ơn!

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán*, NXB Giao thông vận tải.

2. Bộ Tài chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán*, sơ đồ kế toán, NXB Giao thông vận tải.

3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2016), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.

4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Kế toán tài chính (Phần 2) – Kế toán thương mại và dịch vụ*, NXB Thống kê.

5. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.

6. Số liệu và bảng tính trích từ nguồn tài liệu tại Phòng Kế toán – Tài vụ của Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.